

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 67 - CV/PC3HP.Co-NV

Đăk Nông, ngày 24 tháng 3 năm 2021

“Công bố thông tin định kỳ”

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch CK TP Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

Trụ sở chính: Thôn Nhà Đền, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông

Điện thoại: 0261 3684 888

Fax: 0261 3684 666

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Sơn

Địa chỉ: Thôn Nhà Đền, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông

Điện thoại di động: 0935 334 555; Điện thoại cố định: 0261 3684 888

Fax: 0261 3684 666

Loại thông tin công bố: 24h, 72h, Yêu cầu, Bất thường, Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2020 của DRL

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3
HYDROPOWER JOIN STOCK COMPANY - POWER N.03

PC3 HP.Co



PC3 HP.Co

2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



0261 3684 888



www.pc3hp.com.vn



thuydiendl3@gmail.com



Thôn Nhà Đền, xã Ea Pô, huyện Cư Jút,
tỉnh Đắk Nông

MỤC LỤC



I	THÔNG TIN CHUNG	
	Thông tin khái quát	07
	Quá trình hình thành và phát triển	09
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	11
	Sơ đồ tổ chức	13
	Định hướng phát triển	15
	Các rủi ro	17
II	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	
	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	27
	Tổ chức và nhân sự	32
	Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	39
	Tình hình tài chính	41
	Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	44
	Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng	45
III	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	
	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	49
	Đánh giá kết quả thực hiện một số nội dung quan trọng năm 2020	52
	Tình hình tài chính	55
	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	57
	Phương hướng và nhiệm vụ sản xuất năm 2021	59
IV	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	63
	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	64
	Các kế hoạch và biện pháp thực hiện của Hội đồng quản trị năm 2020	66
V	QUẢN TRỊ CÔNG TY	
	Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	69
	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	69
	Ban Kiểm soát	71
	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích	72
VI	BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN	



I. THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
 - Quá trình hình thành và phát triển
 - Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
 - Sơ đồ tổ chức
 - Định hướng phát triển
 - Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên công ty
- Tên viết tắt
- Tên Tiếng Anh
- Mã cổ phiếu
- Vốn điều lệ
- Đăng ký DN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3
PC3.HP.Co
Hydro Power Joint Stock Company – Power No.3
DRL
95.000.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2020)
Số 0400456277, đăng ký lần đầu ngày 24/02/2012
thay đổi lần thứ 4 ngày 17/12/2014 do Sở Kế hoạch
và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp

- Trụ sở chính
- Điện thoại
- Fax
- Email
- Website

Thôn Nhà Đền, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông
0261 3684 888
0261 3684 666
thuydiendl3@gmail.com
www.pc3hp.com.vn

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Năm 2003

11/2003

CTCP Thủy điện - Điện lực 3 được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000163 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 20/11/2003 với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 95 tỷ đồng.

12/2003

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (Nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) có Quyết định số 418/ QĐ-EVN-HĐQT, về việc chuyển giao công trình thủy điện Đrây H'Linh 2 sang cho Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3.

Giai đoạn 2004 - 2008

02/2004

Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 làm chủ đầu tư công trình Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 theo văn bản số 411/CV-NLKD của Bộ Công nghiệp.

11/2006

Tổ máy số 1 nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 chính thức vận hành phát điện thương mại hòa vào lưới điện quốc gia.

07/2008

Hoàn thành việc di chuyển và đăng ký trụ sở chính của Công ty đến địa điểm mới tại xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 số 6303000078, với số vốn điều lệ vẫn là 95 tỷ đồng.

Giai đoạn 2012 - 2018

04/2012

Cổ phiếu của công ty chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là DRL.

12/2014

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400456277 thay đổi lần thứ 04 vào ngày 17/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp.

04/2013

Bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013 - 2018

03/2018

Bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023.

Giai đoạn 2019 - 2020

10/2019

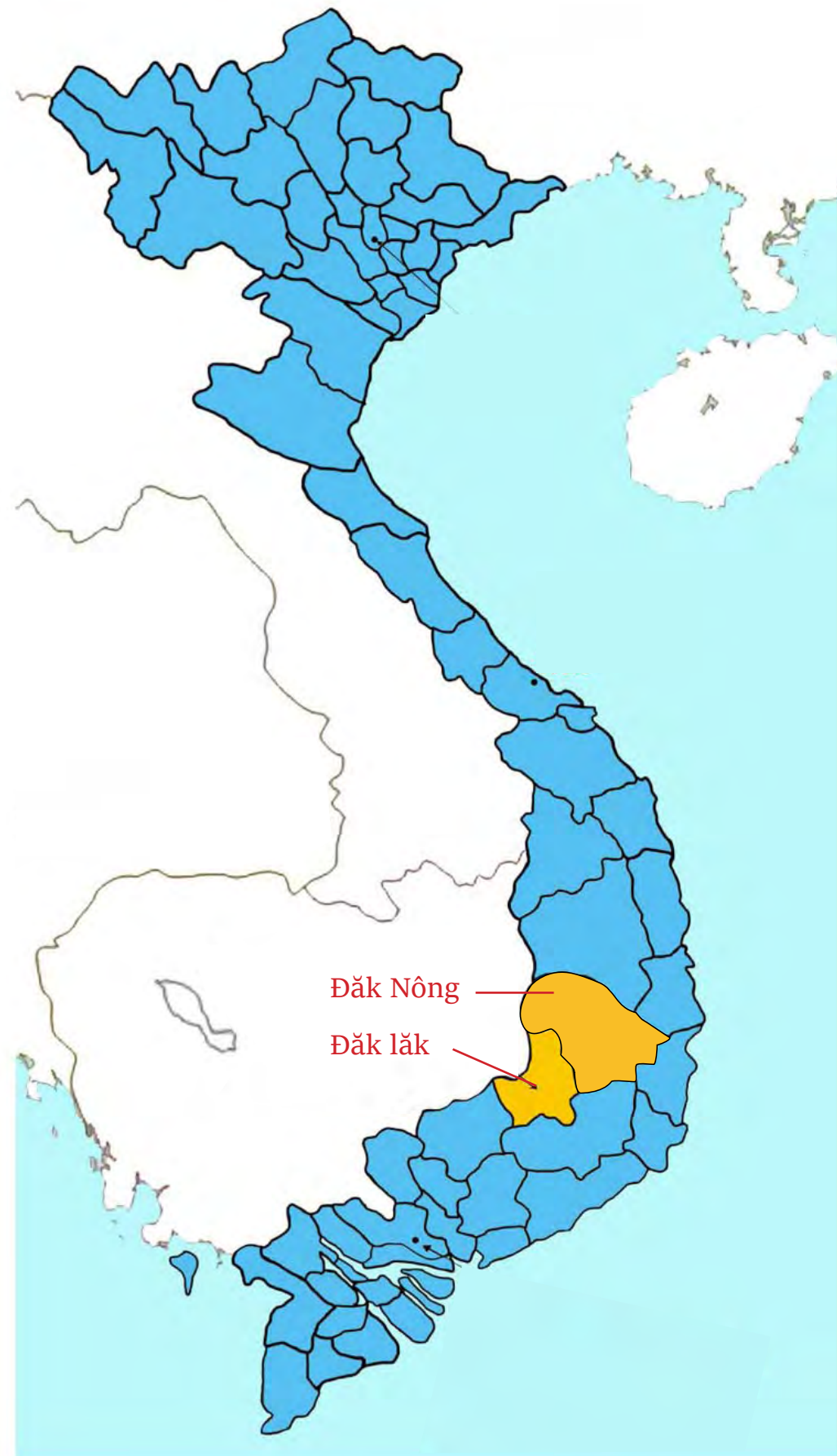
Sản lượng điện Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 chính thức chạm mốc 01 tỷ kWh, đây có thể coi là một sự kiện, một dấu mốc quan trọng trong chặng đường phát triển của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3.

2020

Ngày 17/03/2020, Hội đồng quản trị đã bầu ông Nguyễn Văn Đức giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 thay ông Lê Kim Hùng.

Địa bàn kinh doanh

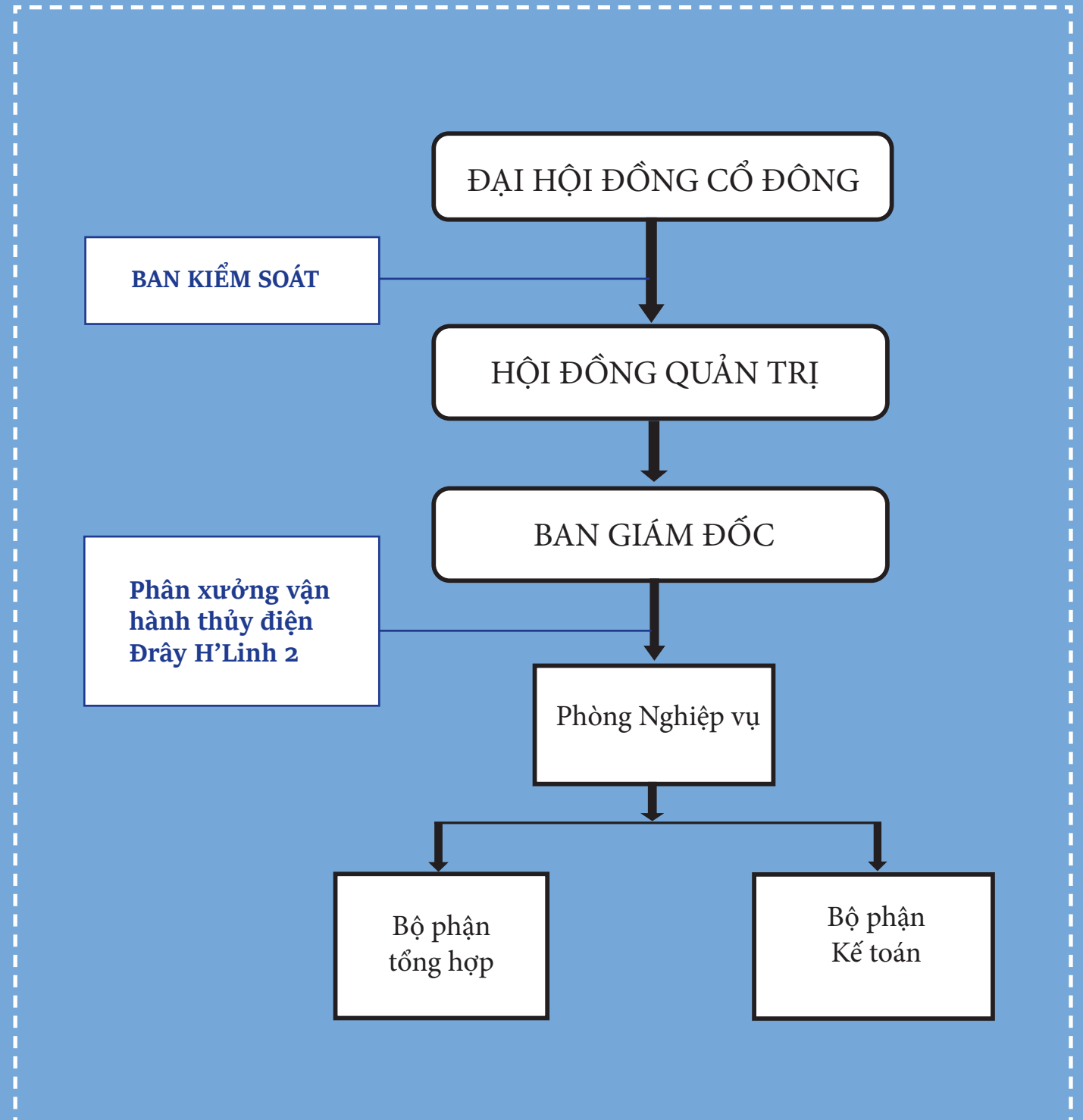
Khu vực tỉnh Đắk Nông và tỉnh Đắk Lắk.



Ngành nghề kinh doanh

Hiện nay Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 đang hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án điện;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Tư vấn các công trình điện.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật liên quan.

* Công ty con, công ty liên kết: Không có

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

BAN GIÁM ĐỐC

Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Nhiệm vụ hoạt động kinh doanh chính của Công ty cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 là tập trung vào công tác vận hành khai thác, sản xuất kinh doanh điện năng tại nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2 một cách an toàn, hiệu quả, đạt năng suất cao. Công ty luôn nỗ lực hoàn thành vượt mức chỉ tiêu sản lượng điện đề ra hàng năm, đồng thời đảm bảo được quyền lợi cao nhất cho cổ đông của Công ty.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Bên cạnh việc tập trung vào ngành nghề cốt lõi là đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh điện năng thủy điện thông qua các hoạt động tìm kiếm, đầu tư vào các dự án thủy điện tiềm năng trên địa bàn tỉnh Tây Nguyên nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh; Công ty cũng đang nghiên cứu để triển khai các dự án năng lượng mặt trời nhằm đáp ứng đủ năng lượng điện trong những thời gian cao điểm.

Ngoài sản xuất kinh doanh điện năng, Công ty chưa triển khai đầu tư cho nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới. Tuy nhiên, để đảm bảo công tác khai thác tài nguyên, quản trị tài chính và nhân sự của Công ty được hiệu quả, ban lãnh đạo đang tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư kinh doanh phù hợp, đúng đắn theo các ngành nghề mà Công ty đã đăng ký.

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh chương trình giám sát và quản lý môi trường; thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại; xây dựng kế hoạch chi tiết và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để kịp thời ứng phó với các sự cố có thể xảy ra, từ đó giúp Công ty hạn chế tối đa chi phí phát sinh không đáng có; đặc biệt, các hành động cụ thể này còn giúp giảm thiểu thiệt hại đến đời sống cộng đồng và môi trường tự nhiên. Thời gian qua, Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, xã hội và cộng đồng; đặc biệt, đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 175/QĐ- BTNMT ngày 07/03/2013.



CÁC NHÂN TỐ
RỦI RO



Rủi ro pháp luật

DRL là Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần và niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Do đó, Công ty bị chi phối bởi nhiều văn bản luật khác nhau như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế,... Ngoài ra, DRL hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh năng lượng nên cũng chịu ảnh hưởng từ các văn bản pháp luật có liên quan như Luật Thủy Lợi, Luật Khí tượng, Luật Tài nguyên nước,...

Những thay đổi trong hệ thống pháp luật sẽ có nhiều tác động đến tình hình quản trị cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty. DRL luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Luật nhưng trước sự thay đổi liên tục nhằm hoàn thiện chặt chẽ hơn của các văn bản pháp luật Việt Nam như hiện nay, DRL cần chủ động nghiên cứu, bổ sung kịp thời và đưa ra các biện pháp ứng phó hợp lý khi có sự thay đổi; từ đó, Công ty có thể tận dụng mọi cơ hội và giảm thiểu rủi ro từ những thay đổi pháp lý này.

Rủi ro kinh tế

Năm 2020 dưới diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, tình hình kinh tế thế giới tiếp tục trì trệ. Trong năm, dù chịu ảnh hưởng bởi đại dịch nhưng dưới sự chỉ đạo kịp thời và hiệu quả của Chính phủ cùng với sự nỗ lực các cấp, các ngành, các địa phương đã giúp Việt Nam thuộc nhóm quốc gia tăng trưởng kinh tế tốt nhất thế giới. Theo Tổng cục thống kê Việt Nam, tổng sản phẩm trong nước (GDP) trong 9 tháng năm 2020 tăng 2,12% (quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,62%), là mức tăng thấp nhất của 9 tháng các năm trong giai đoạn 2011-2020. Dù mức tăng không đạt chỉ tiêu đặt ra nhưng có thể nói Việt Nam đã tránh được những ảnh hưởng kinh tế tồi tệ nhất do đại dịch gây nên.

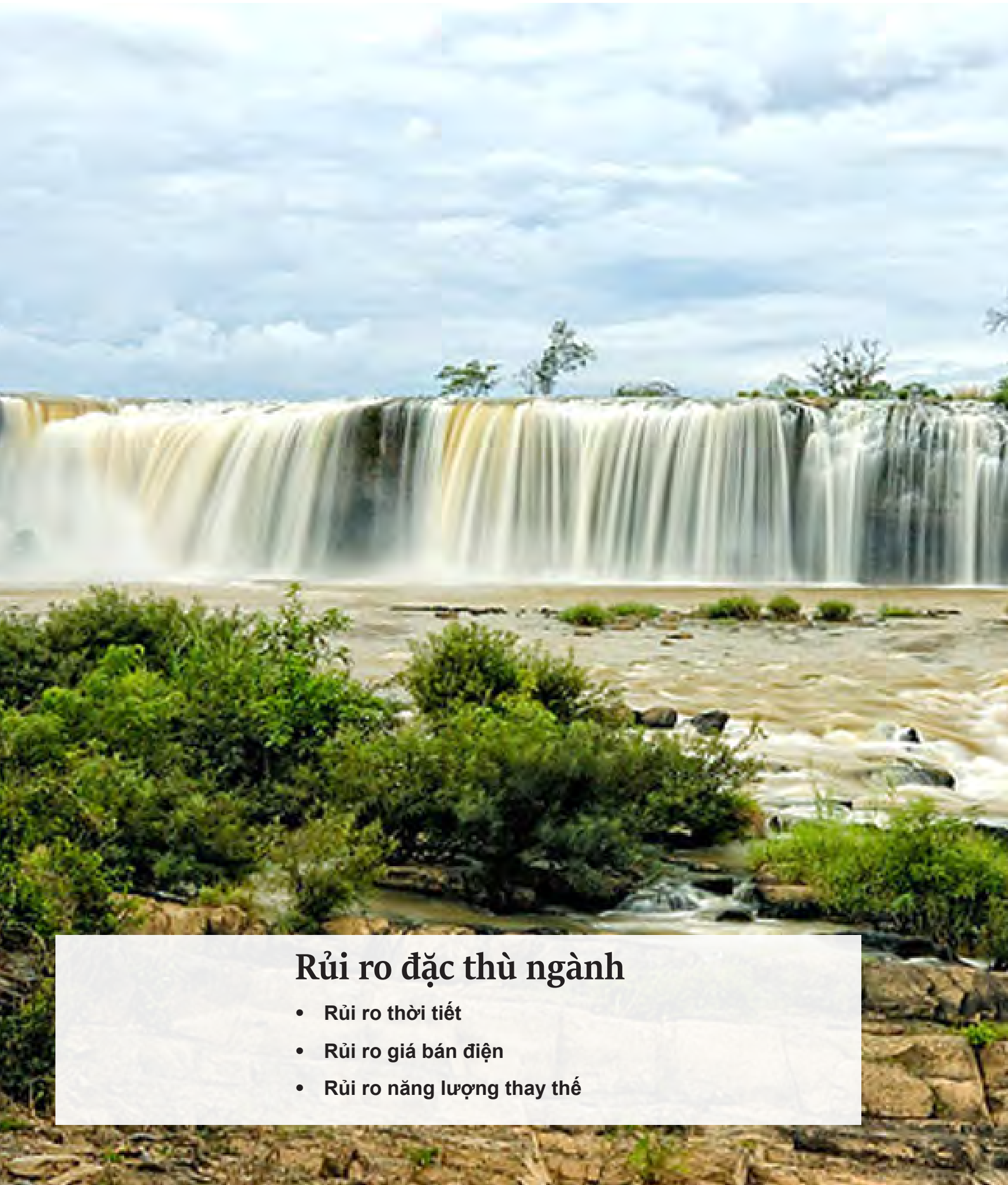
Tại Việt Nam, mặc dù ngành điện là ngành ít chịu rủi ro bởi dịch bệnh và hoạt động liên tục bất chấp chu kỳ kinh tế nhưng các doanh nghiệp trong ngành cũng gặp nhiều khó khăn khi thực hiện nghiệp vụ sản xuất kinh doanh, đặc biệt là tình trạng nhu cầu tiêu thụ điện vượt quá nguồn cung cấp điện trong giai đoạn trong và hậu cách ly Covid-19. Mặc dù, Chính Phủ đã có nhiều chính sách khuyến khích sản xuất năng lượng tái tạo để khuyến khích gia tăng sản lượng điện, nhưng nếu đại dịch Covid-19 trên thế giới vẫn diễn biến chuyển phức tạp hơn sẽ ảnh hưởng đến đà hồi phục của ngành điện nói chung và tình hình sản xuất kinh doanh của DRL nói riêng. Nền kinh tế Việt Nam đang phát triển theo hướng công nghiệp hóa –hiện đại hóa, vì vậy với động lực từ tăng trưởng kinh tế Việt Nam - đặc biệt đến từ lĩnh vực xây dựng, DRL đã có nhiều cố gắng nỗ lực đảm bảo ứng đủ nhu cầu điện và ổn định doanh thu cho Công ty.

Rủi ro lãi suất

Từ đầu năm 2020 đến nay, việc Ngân hàng Nhà nước giảm một loạt lãi suất điều hành và vấn đề thanh khoản của hệ thống ngân hàng thường xuyên ở trạng thái dư thừa nên lãi suất tiền gửi vẫn ở mức thấp. Điều này gây tác động ít nhiều đến DRL vì các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, nếu lãi suất tiền gửi tiếp tục giảm và giảm sâu sẽ ảnh hưởng đến doanh thu tài chính của Công ty. Mặc dù hiện tại DRL không vay vốn nên những sự điều chỉnh về lãi suất tạm thời chưa tác động lớn đến kết quả hoạt động của Công ty; tuy nhiên, với nguồn vốn lưu động hiện tại, Công ty sẽ không đủ khả năng tài trợ cho chiến lược đầu tư mới trong tương lai, cụ thể là nhà máy điện mặt trời Dray H'Linh. Để giảm thiểu rủi ro trên, Công ty cần thường xuyên theo dõi biến động lãi suất trên thị trường, cân nhắc và đưa ra các quyết định vay vốn phù hợp.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, Công ty còn bị ảnh hưởng bởi nhiều rủi ro khác như: động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,.. gây thiệt hại các cơ sở vật chất và tăng chi phí công ty. Ngoài ra, các sự cố trong quá trình vận hành nhà máy thủy điện có thể khiến các hoạt động sản xuất của công ty bị trì trệ và ảnh hưởng đến an toàn của người lao động. Công ty luôn lập kế hoạch phòng chống thiên tai, bão lũ, thường xuyên kiểm tra và bảo trì máy móc, thiết bị nhằm hạn chế rủi ro có thể phát sinh; từ đó, giúp DRL đảm bảo an toàn cho người lao động, người dân, máy móc, thiết bị, đảm bảo an toàn hồ đập và vùng hạ lưu hồ chứa,.. Ngoài ra, DRL luôn chú trọng tập huấn an toàn - vệ sinh lao động, kiến thức PCCC và trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên của Công ty.



Rủi ro đặc thù ngành

- Rủi ro thời tiết
- Rủi ro giá bán điện
- Rủi ro năng lượng thay thế

Rủi ro thời tiết

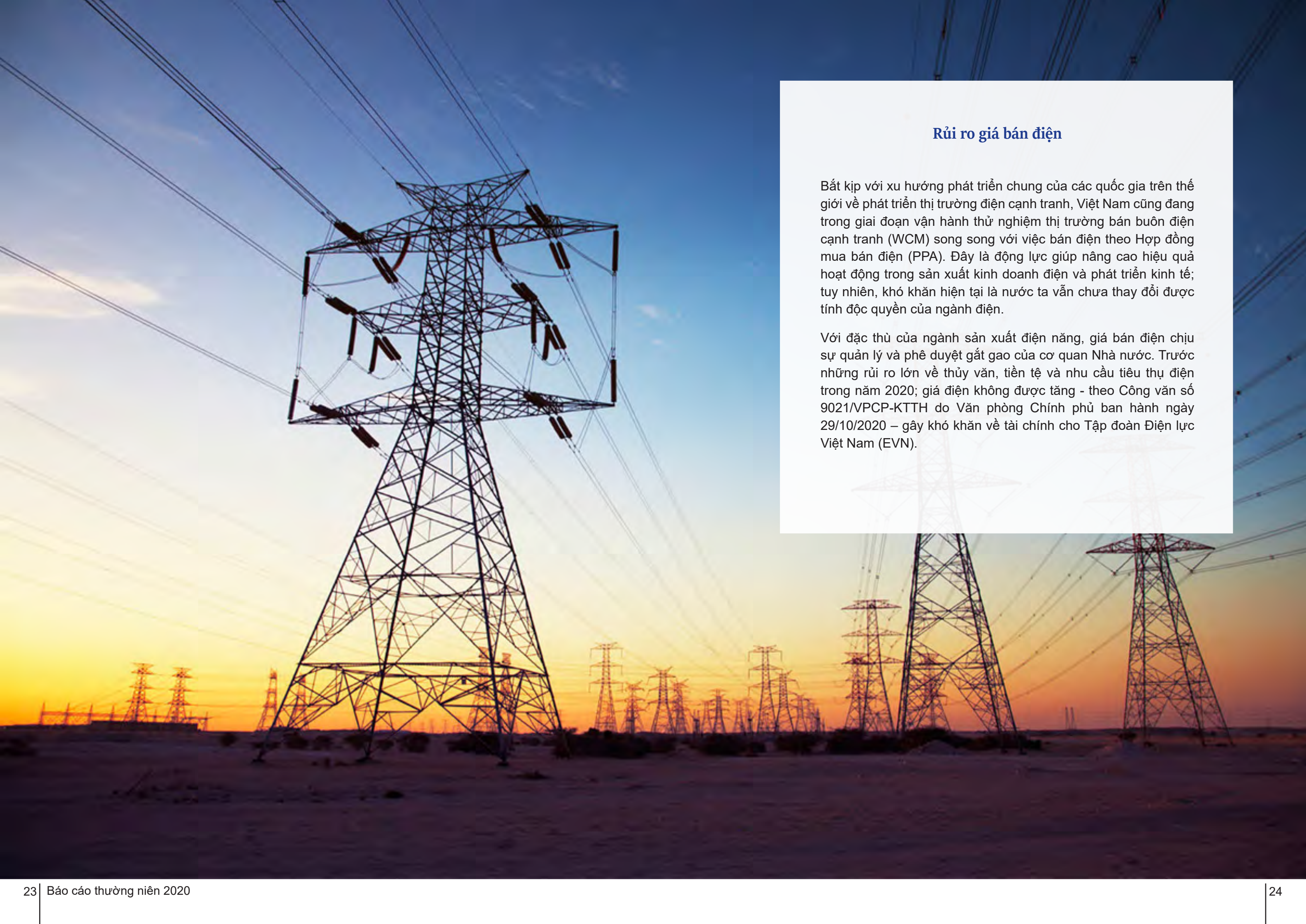
RỦI RO THỜI TIẾT ẢNH HƯỞNG
PHẦN LỚN CÁC DOANH NGHIỆP
SẢN XUẤT ĐIỆN NĂNG BẰNG

THỦY ĐIỆN

SẢN LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ CỦA NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐIỆN PHỤC THUỘC RẤT LỚN VÀO NGUỒN NĂNG LƯỢNG NƯỚC ĐƯỢC TÁI TẠO VÀ DỰ TRỮ

Trong những tháng đầu năm 2020, Việt Nam đón nhiều đợt nắng nóng trên diện rộng và kéo dài nhất trong 27 năm qua khiến nhu cầu điện cả nước tăng trưởng cao. Trong khi đó, nhiều vấn đề khó khăn cho ngành điện đã phát sinh: một số công trình chậm tiến độ vào vận hành, hệ thống không có dự phòng về nguồn điện, không có nhiều nguồn khai thác mới,.. đặc biệt hiện tượng thời tiết El Nino làm cho lượng mưa khu vực miền Trung và Tây Nguyên thấp hơn nhiều so với mức trung bình hằng năm khiến mực nước ở nhiều hồ thủy điện thấp xấp xỉ mực nước chết và nhà máy khó có thể vận hành. Các vấn đề trên dẫn đến nguy cơ thiếu hụt nguồn điện phục vụ kinh tế xã hội của cả nước và sinh hoạt của nhân dân tại các địa phương.

Từ tháng 10/2020 đến nay, hiện tượng lũ chồng lũ và mưa lũ nối tiếp nhau tại miền Trung gây thiệt hại về đường xá và có nguy cơ mất an toàn trong việc vận hành nhà máy, có thể gây những sự cố nghiêm trọng và làm tăng chi phí sửa chữa của Công ty. Trước các diễn biến nêu trên, Công ty luôn chú trọng việc theo dõi và cập nhật chính xác tình hình khí hậu, thủy văn, các biến đổi về môi trường nhằm chủ động lập phương án phòng chống và biện pháp vận hành các công trình đầu mối; nhân lực nhằm giảm thiểu rủi ro cho Công ty và đảm bảo nguồn cung năng lượng điện cho hệ thống của Quốc gia.



Rủi ro giá bán điện

Bắt kịp với xu hướng phát triển chung của các quốc gia trên thế giới về phát triển thị trường điện cạnh tranh, Việt Nam cũng đang trong giai đoạn vận hành thử nghiệm thị trường bán buôn điện cạnh tranh (WCM) song song với việc bán điện theo Hợp đồng mua bán điện (PPA). Đây là động lực giúp nâng cao hiệu quả hoạt động trong sản xuất kinh doanh điện và phát triển kinh tế; tuy nhiên, khó khăn hiện tại là nước ta vẫn chưa thay đổi được tính độc quyền của ngành điện.

Với đặc thù của ngành sản xuất điện năng, giá bán điện chịu sự quản lý và phê duyệt gắt gao của cơ quan Nhà nước. Trước những rủi ro lớn về thủy văn, tiền tệ và nhu cầu tiêu thụ điện trong năm 2020; giá điện không được tăng - theo Công văn số 9021/VPCP-KTTH do Văn phòng Chính phủ ban hành ngày 29/10/2020 – gây khó khăn về tài chính cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

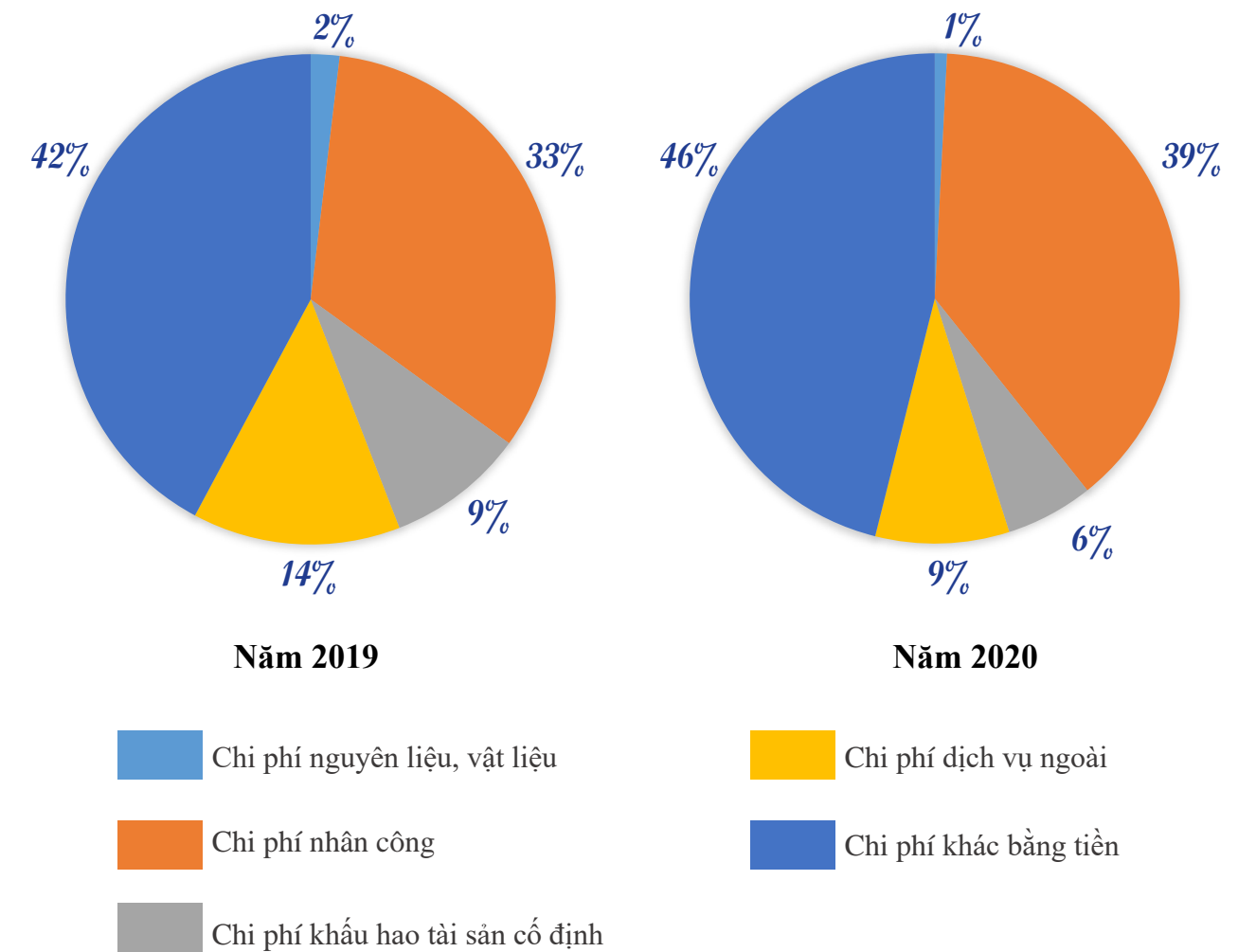
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	%Tăng,giảm 2020/2019
1	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	66.57	80,37	20,73%
2	Tổng doanh thu	Đồng	93.464.002.450	99.932.069.615	6,92%
2.1	Doanh thu bán điện thương phẩm	Đồng	89.960.985.336	96.758.423.891	7,56%
2.2	Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng	3.503.017.114	3.173.645.724	-0,09%
3	Tổng chi phí	Đồng	34.254.634.671	36.189.144.936	5,65%
3.1	Giá vốn hàng bán	Đồng	28.320.710.226	30.068.992.210	6,17%
3.2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	5.933.924.445	6.120.152.726	3,14%
3.3	Chi phí khác	Đồng	-	3.323.538	
3.4	Chi phí thuế TNDN hiện hành	Đồng	3.529.906.956	4.735.922.273	34,17%
4	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	59.209.367.779	63.739.601.141	7,65%
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	55.679.460.823	59.003.678.868	5,97%
6	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng/CP	5.522	5.862	6,06%

Trong nửa đầu năm 2020, do đồng thời chịu ảnh hưởng bởi hiện tượng El Nino kéo dài từ năm 2019 và thời tiết mùa khô năm 2020, nhiều khu vực phải đối mặt với tình trạng nắng nóng và khô hạn kỷ lục. Tại Tây Nguyên, lượng mưa trong mùa khô thấp hơn so với trung bình nhiều năm khiến một loạt các doanh nghiệp thủy điện trong đó có Công ty Cổ phần Thủy điện- Điện lực 3 có sản lượng điện thương phẩm bị sụt giảm so với các năm trước. Cụ thể, sản lượng điện thương phẩm trong 6 tháng đầu luôn dưới 5,300 triệu kWh, tổng sản lượng 7 tháng đầu năm là 26,44 triệu kWh, chiếm 32,89 % sản lượng điện cả năm.

Tuy nhiên, bước sang nửa cuối năm 2020, ngay khi hiện tượng El Nino kết thúc, hiện tượng La Nina hình thành gây nên hiện tượng mưa lớn hơn bình thường, các trận bão xảy ra nhiều hơn về số lượng và mạnh hơn về cường độ. Tổng lượng mưa giai đoạn cuối năm tại các khu vực phần lớn đều tăng từ 30% - 60% so với mức TBNN cùng kỳ năm 2019. Lượng mưa được phục hồi trở lại đã giúp cho sản lượng điện của Công ty các tháng nửa cuối năm 2020 tăng trở lại. Cụ thể, sản lượng điện mỗi tháng đạt trên 7,700 kWh, tổng sản lượng điện 5 tháng cuối năm đạt 53,93 triệu kWh, chiếm 67,11% sản lượng điện cả năm.

Năm 2020, với diễn biến thời tiết thuận lợi vào cuối năm như trên, sản lượng điện thương phẩm của Công ty đã đạt 80,37 triệu kWh, tăng 20,73% so với cùng kỳ. Doanh thu bán điện thương phẩm của Công ty đạt 96,76 tỷ đồng tương ứng với mức tăng 7,56%. Bên cạnh đó, doanh thu từ tiền gửi giảm nhẹ nên tác động không quá lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, tổng doanh thu năm 2020 đạt gần 100 tỷ đồng tương ứng với mức tăng 6,92%.

Tổng chi phí của Công ty năm 2020 là 36,19 tỷ đồng, tăng nhẹ 2,66% so với tổng chi phí năm 2019, trong đó giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất và chiếm trên 83,08 % tổng chi phí.



Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/giảm
				Năm 2020/Năm 2019
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	649.390.291	290.729.986	-55,23 %
2	Chi phí nhân công	11.335.546.332	13.933.169.693	22,92 %
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.122.368.232	2.091.200.021	-33,03%
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.701.275.513	3.195.388.129	-32,03 %
5	Chi phí khác bằng tiền	14.446.054.303	16.678.657.107	15,45%
Tổng cộng		34.254.634.671	36.189.144.936	5,65%

Trong năm 2020, chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố có nhiều biến động đối lập so với năm 2019, theo đó tổng chi phí tăng chỉ nhẹ 5,65%.

Chi phí nhân công năm 2020 là 13,93 tỷ đồng, chiếm 38,05 % chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, tăng 2,60 tỷ đồng so với năm 2019. Từ năm 2012 đến năm 2019 tổng số cán bộ công nhân viên của DRL vẫn giữ nguyên 33 người. Tuy nhiên đến kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, nhân sự của Công ty tăng thêm 01 chức danh Chủ tịch HĐQT chuyên trách, nâng tổng số lao động của công ty lên 34 người. Ngoài mức lương theo quy định Nhà nước, một phần thu nhập của nhân viên còn dựa trên kết quả kinh doanh đạt được, điều này giúp tăng động lực cho đội ngũ nhân viên tại DRL.

Trong năm, giá trị tài sản cố định của Công ty giảm do hết khấu hao. Theo đó, chi phí khấu hao tài sản cố định giảm 1,03 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019.

Chi phí khác bằng tiền năm 2020 chiếm tỷ trọng 46,09% chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, tăng 2,23 tỷ đồng so năm 2019 do sự gia tăng của thuế tài nguyên nước và Phí dịch vụ môi trường rừng.

Năm 2020, nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2 đang được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, thay vì 20% (giai đoạn 2020-2021). Theo đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2020 đạt 59 tỷ đồng, tăng 6,0 % so với năm 2019. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu tăng từ 5.527 đồng (năm 2019) lên 5.862 đồng (năm 2020).



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Sơn	Giám Đốc	10.000	0,11%
2	Ông Võ Đình Thanh Tuấn	Phó Giám đốc	4.550	0,05%
3	Ông Phạm Đức Hùng	Kế toán trưởng	12.600	0,13%

(*) Tính tại thời điểm 31/12/2020

Lý lịch Ban Điều hành

Ông Nguyễn Sơn – Giám đốc

Năm sinh : 1960
 Nguyên quán : Lộc An, Phú Lộc, Thừa Thiên – Huế
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ văn hóa : Đại học
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác

1985 - 1988 : Kỹ sư giám sát tại Ban quản lý công trình Thủy điện Đrây H'Linh
 1989 - 1990 : Phó phòng Kế hoạch Vật tư – Ban quản lý công trình thủy điện Đrây H'Linh
 1991 – 2003 : Trưởng phòng Vật tư Vận tải – Điện lực Đắk Lắk
 2003 – 2005 : Quản đốc Phân xưởng Thủy điện – Điện lực Đắk Lắk
 2005 - 2007 : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3
 10/2007 đến nay : Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc

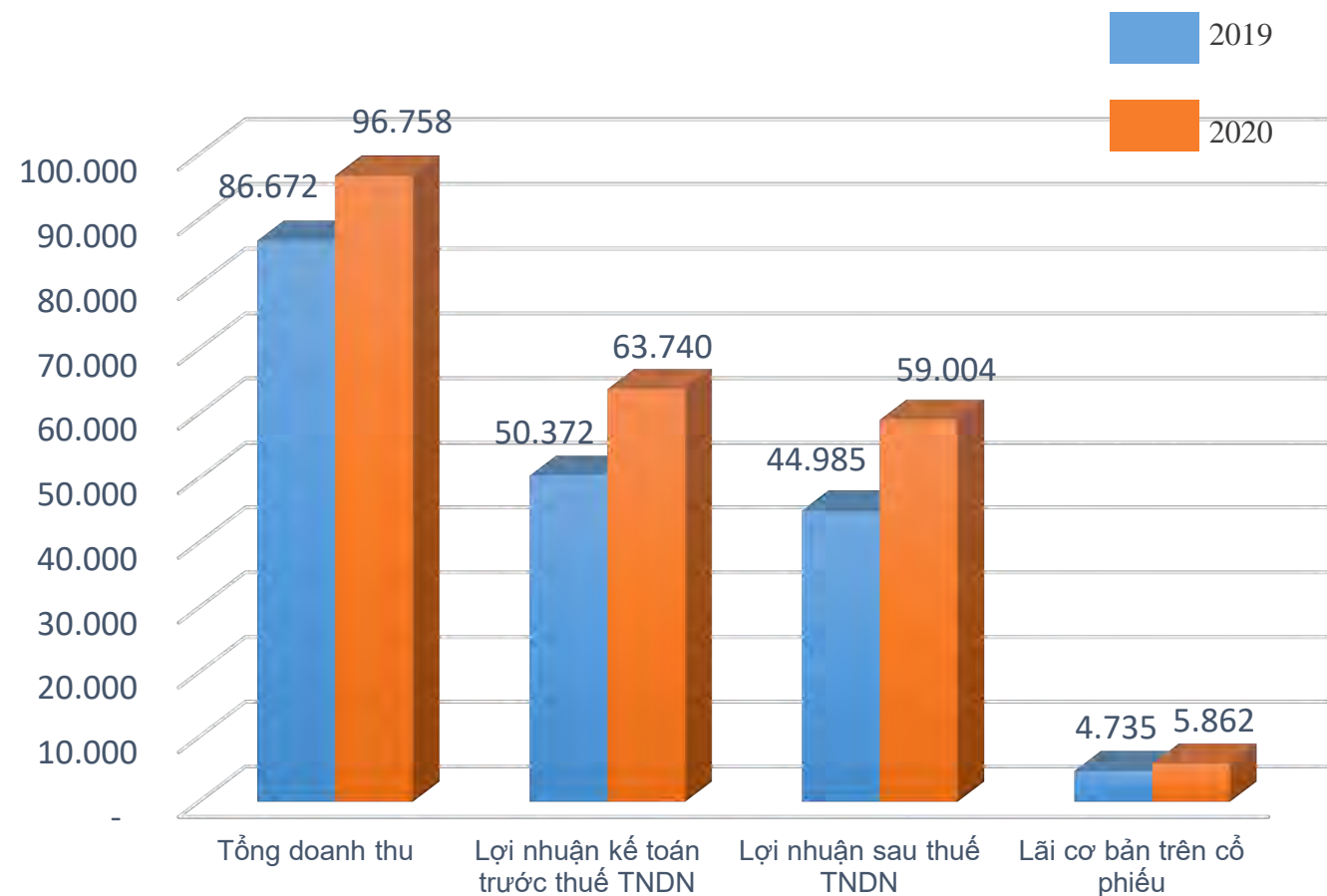
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 10.000 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Thực hiện/Kế hoạch năm 2020
Tổng doanh thu	Đồng	86.672.322.000	96.758.423.891	111,64%
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	Đồng	50.372.320.000	63.739.601.141	126,54%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	44.985.088.000	59.003.678.868	131,16%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	4.735	5.862	123,80%

Tổng doanh thu của Công ty năm 2020 được ghi nhận là 96,76 tỷ đồng, vượt 11,64% so với kế hoạch đề ra do điều kiện thời tiết thuận lợi vào cuối nửa năm nay. Bên cạnh đó, việc lập kế hoạch phòng ngừa rủi ro hợp lý và thực hiện tốt công tác quản lý của Ban lãnh đạo Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đều đạt kết quả tốt. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế đạt 63,74 tỷ đồng vượt 26,54% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 131,16% và lãi cơ bản cổ phiếu cũng đạt 123,80% so với kế hoạch đã đề ra.



Ông Võ Đình Thanh Tuấn – Phó Giám đốc

Năm sinh : 1978
Nguyên quán : Quảng Ngãi
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ văn hóa : Đại học
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện

Quá trình công tác

1995 – 2000 : Sinh viên trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
2000 – 2005 : Công tác tại Phân xưởng Thủy điện – Điện lực Đăk Lăk
2005 – 2008 : Chuyên viên phòng Kế hoạch kỹ thuật Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3
2008 đến nay : Quản đốc Phân xưởng vận hành, Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3
Từ ngày 01/02/2015 : Bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 4.550 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

Ông Phạm Đức Hùng – Kế toán trưởng

Năm sinh : 1965
Nguyên quán : Hưng Yên
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ văn hóa : Đại học
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

1983 – 2004 : Công tác tại Điện lực Đăk Lăk, Phó trưởng phòng Kế toán
2004 – 2008 : Công tác tại Điện lực Đăk Nông, Trưởng phòng Kế toán
2008 – 2011 : Công tác tại Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3, chức vụ Trưởng phòng Nghiệp vụ
2011 đến nay : Công tác tại Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3, chức vụ Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Nghiệp vụ

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 12.600 cổ phần chiếm 0,13% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BGD trong năm 2020:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là TV HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Văn Đức	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	17/03/2020	
2	Ông Lê Kim Hùng	Thành viên HĐQT độc lập	23/04/2018	
3	Ông Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT/Giám đốc	23/04/2018	
4	Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên HĐQT độc lập	23/04/2018	
5	Ông Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành	23/04/2018	
6	Ông Lâm Uyên	Thành viên HĐQT độc lập		17/03/2020

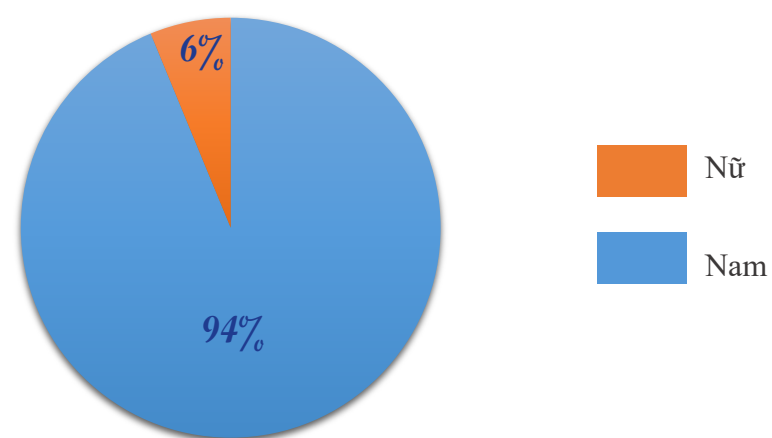
Số lượng cán bộ công nhân viên

Tổng số lao động trong Công ty tính đến 31/12/2020 là 34 người. Trong đó:

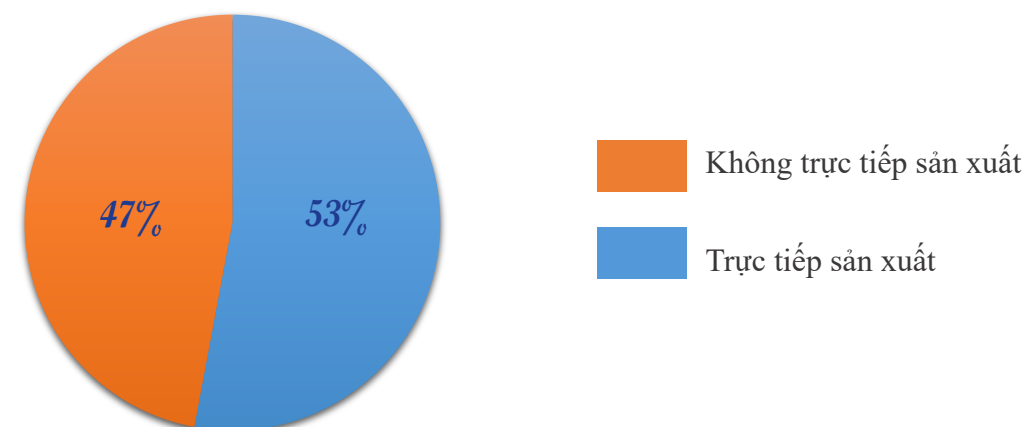
STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)
I	Phân loại theo giới tính	34	100
1	Nam	32	94,12
2	Nữ	2	5,88
II	Phân loại theo trình độ	34	100
1	Trình độ đại học, cao đẳng	9	26,47
2	Trình độ trung cấp	1	2,94
3	Công nhân kỹ thuật	18	52,94
4	Trình độ lao động phổ thông	6	17,65
III	Phân loại theo tính chất lao động	34	100
1	Trực tiếp sản xuất	18	52,94
2	Không trực tiếp sản xuất	16	47,06



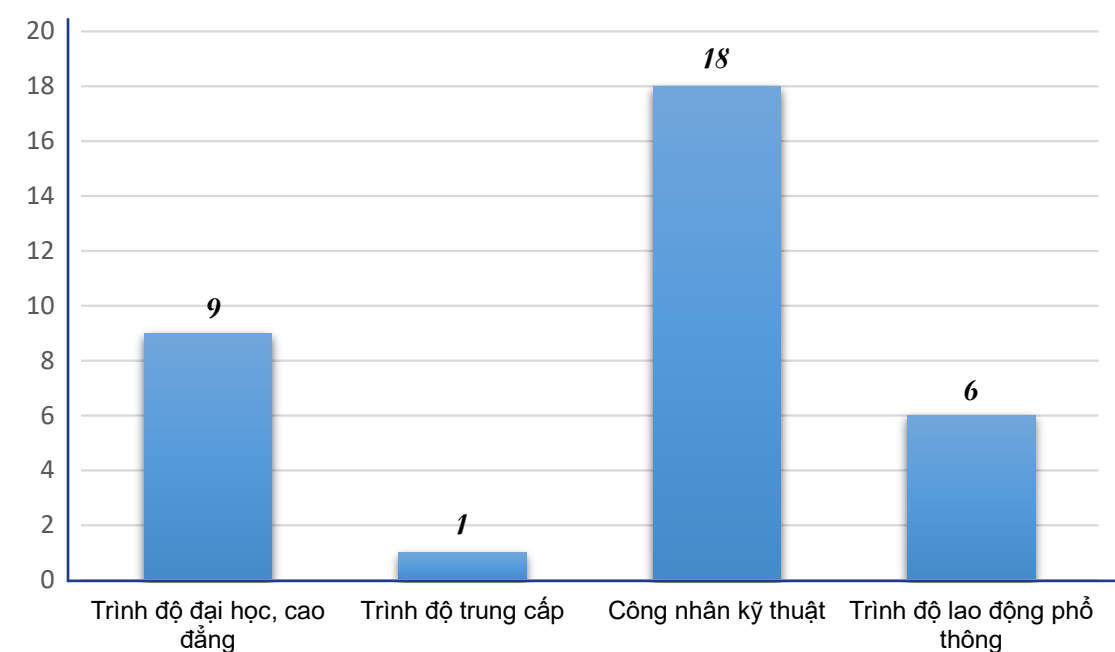
Phân loại theo giới tính



Phân loại theo tính chất lao động

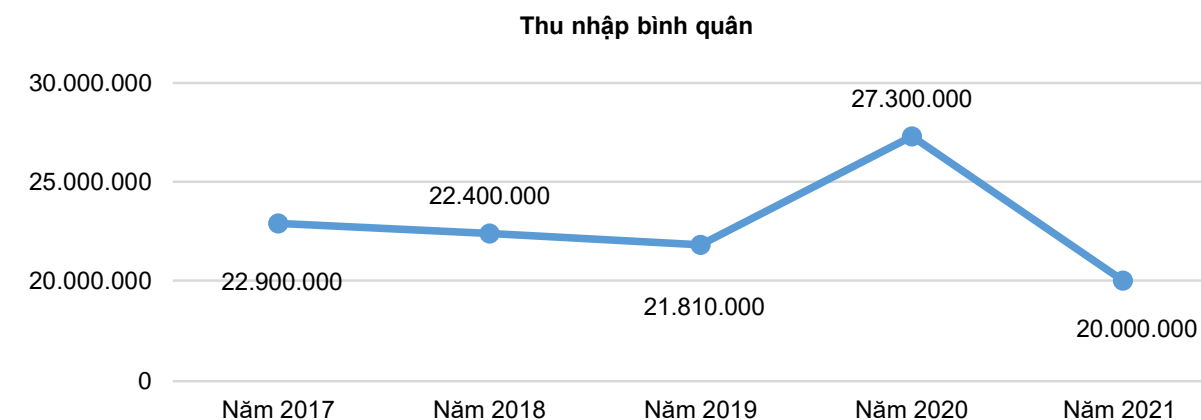


Phân loại theo trình độ



Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021 (dự kiến)
Tổng số lượng người lao động (người)	33	33	33	34	34
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	22.900.000	22.400.000	21.810.000	27.300.000	< 20.000.000



Từ năm 2016 đến nay, số lượng người lao động của DRL không biến động nhiều, số lượng nhân viên năm 2020 là 34 người. Công ty có hai tổ máy công suất nhỏ, hoạt động chủ yếu là vận hành máy móc, thiết bị nên số lượng nhân công không nhiều, giúp tiết giảm chi phí nhân công. Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo nhằm nâng cao chất lượng lao động, giữ chân nhân sự có chuyên môn cao. Công ty cũng rất chú trọng đến việc tạo môi trường làm việc năng động, hiện đại, an toàn, thân thiện để người lao động có thể phát huy hết năng lực của mình cũng như trao đổi thêm kiến thức, kỹ năng, giúp nâng cao trình độ và đóng góp vào sự phát triển của Công ty.



Chính sách nhân sự



Về tuyển dụng

Xác định con người là yếu tố quan trọng trong sự phát triển bền vững của Công ty, trong suốt những năm qua, Công ty luôn quan tâm đến chính sách tuyển dụng và không ngừng phát triển nguồn nhân lực nhằm xây dựng đội ngũ lao động chất lượng cao đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty rất đề cao năng lực của mỗi cán bộ công nhân viên và luôn chào đón các ứng viên có phong cách làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và đặc biệt là muốn gắn bó lâu dài với Công ty. Đồng thời, để thu hút nhân tài và các cá nhân dày dặn kinh nghiệm cũng như giữ chân các lao động có trình độ chuyên môn tốt, Công ty luôn cố gắng tạo nên sự gắn kết giữa cán bộ công nhân viên với Công ty, thông qua các chính sách khen thưởng xứng đáng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh,...

Về đào tạo

Bên cạnh công tác truyền thông và xây dựng thương hiệu tuyển dụng để thu hút và tiếp cận nguồn ứng viên tiềm năng thì Công ty cũng không ngừng chú trọng công tác đào tạo để phát triển và giữ chân nhân tài hiện tại, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự và hiệu quả trong việc quản trị nguồn nhân lực. Với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự hội đủ kiến thức, kỹ năng và năng lực để đáp ứng cho từng vị trí công việc, bên cạnh việc các khóa tạo tạo định kỳ theo quy định của Pháp luật, Công ty thường xuyên cân nhắc, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được bồi dưỡng, học tập nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn và phát huy tối đa năng lực cá nhân thông qua các hình thức phù hợp như đào tạo tại chỗ, gửi đi các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn trong nước, tạo điều kiện cho các cán bộ kỹ thuật thâm nhập thực tế tại các dự án thủy điện đang triển khai,... Nhờ vậy, toàn thể cán bộ công nhân viên đều an tâm, tin tưởng và lựa chọn Công ty là nơi gắn bó, phát triển sự nghiệp lâu dài.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Nhằm khuyến khích toàn thể người lao động làm việc tích cực, nâng cao năng suất lao động và cống hiến cho sự phát triển của Công ty, Công ty có chính sách thưởng định kỳ thỏa đáng cho các cá nhân, tập thể đã đóng góp thiết thực vào kết quả kinh doanh của toàn Công ty, thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ xét nâng lương định kỳ theo quy chế lương cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty luôn cam kết và đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của Luật lao động như: tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và phí công đoàn,...

Ngoài việc xây dựng và thực hiện các chính sách lương phù hợp với tình hình sản xuất hoạt động kinh doanh, khen thưởng linh hoạt, các chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật, Công ty còn phối hợp với Công đoàn áp dụng các chế độ phúc lợi khác như: hỗ trợ nhân viên nữ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ và ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ thai sản, hỗ trợ CBCNV khi kết hôn, hỗ trợ CBCNV khi có tang chế; quan tâm, chăm lo đến đời sống CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà các ngày lễ tết, hiếu hỷ, đảm bảo an ninh trật tự,... từ đó giúp người lao động yên tâm công tác và gắn bó lâu dài với Công ty.

Về môi trường công việc

Bên cạnh việc xây dựng chính sách lương, thưởng, phúc lợi phù hợp, kích lệ thì môi trường làm việc cũng là một yếu tố quan trọng để người lao động gắn bó với doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty luôn cố gắng xây dựng và duy trì môi trường làm việc thân thiện, hiện đại, năng động và an toàn cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn cố gắng tạo cơ hội để toàn thể cán bộ công nhân viên làm việc tại Công ty cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 đều được phát huy tối đa khả năng của bản thân, trao dồi và nâng cao hơn nữa năng lực chuyên môn. Đồng thời, mọi đóng góp, chia sẻ và cống hiến cả về sức lực lẫn trí tuệ của người lao động luôn được Công ty ghi nhận, đánh giá một cách kịp thời và phù hợp.

Ngoài ra, trong hoạt động sản xuất và kinh doanh, Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường, chủ động ngăn ngừa các thiệt hại về con người, tài sản và môi trường.

Cụ thể hàng năm, Công ty trang bị đầy đủ các kiến thức cũng như kỹ năng an toàn lao động trong sản xuất cho tất cả CBCNV nói chung và cho CBCNV trực tiếp sản xuất nói riêng bằng việc tổ chức các khóa đào tạo cho nội dung an toàn trong lao động như sơ cấp cứu, an toàn lao động, an toàn bức xạ, an toàn hóa chất, an toàn điện, phòng cháy chữa cháy; tổ chức kiểm tra định kỳ về an toàn của các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về vệ sinh – an toàn lao động, các công trình thủy công định kỳ,...

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

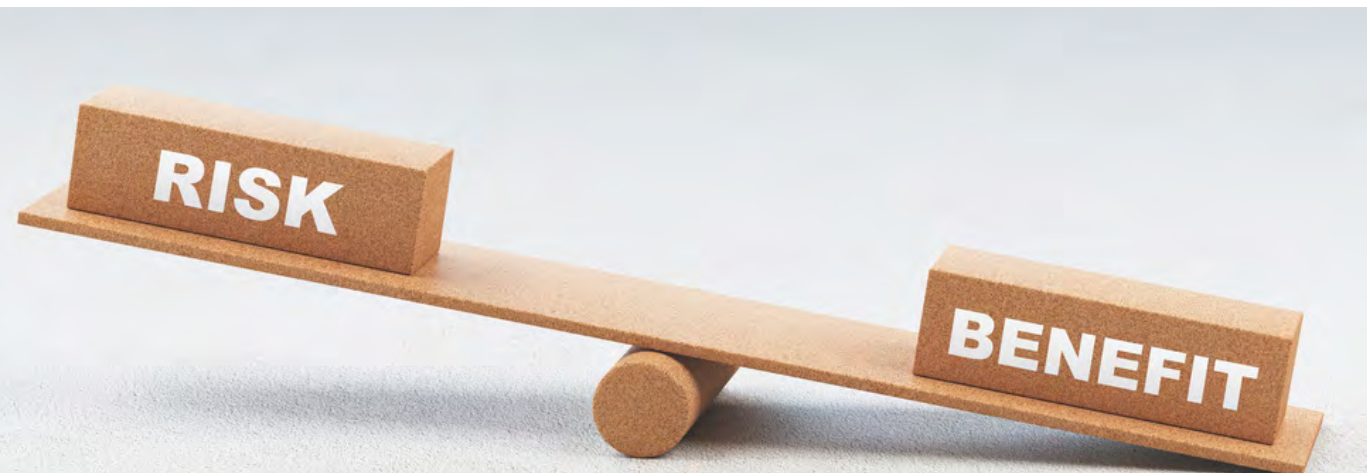
Trong năm 2020, Công ty không thực hiện đầu tư dự án.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

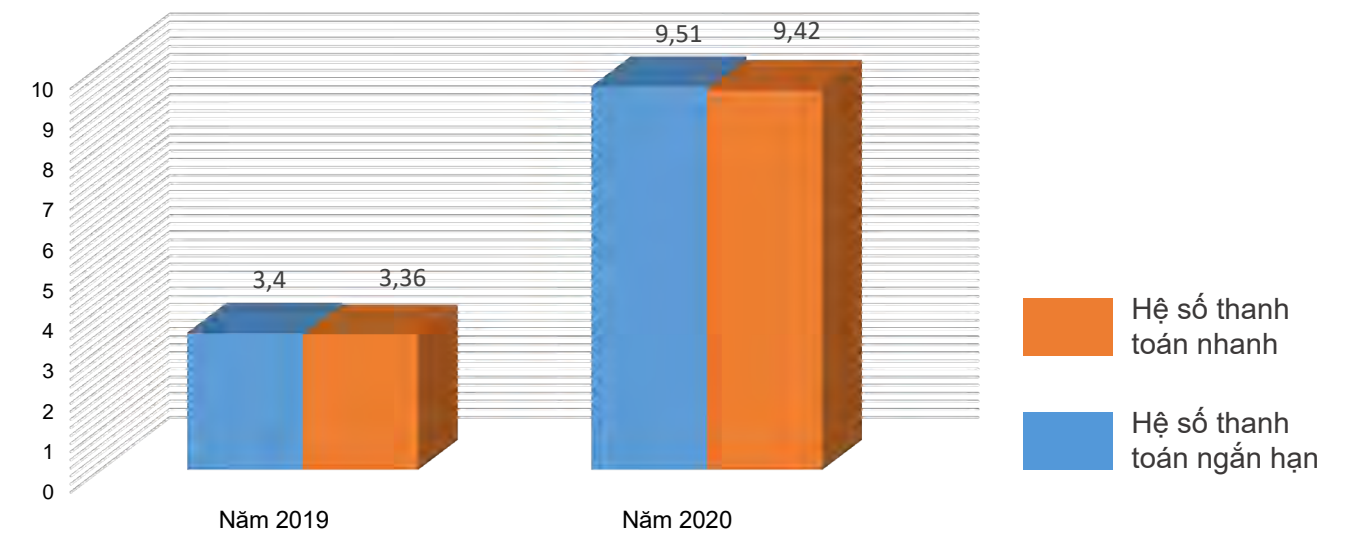
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/Giảm
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,40	9,51	6,11
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,36	9,42	6,05
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	19,97	7,65	-12,31
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	24,95	8,29	-16,66
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	7,82	7,62	-0,2
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,66	0,68	0,02
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	61,89	60,98	-0,91
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	47,04	48,16	1,13
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	40,8	41,63	0,83
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	65,82	65,88	0,06



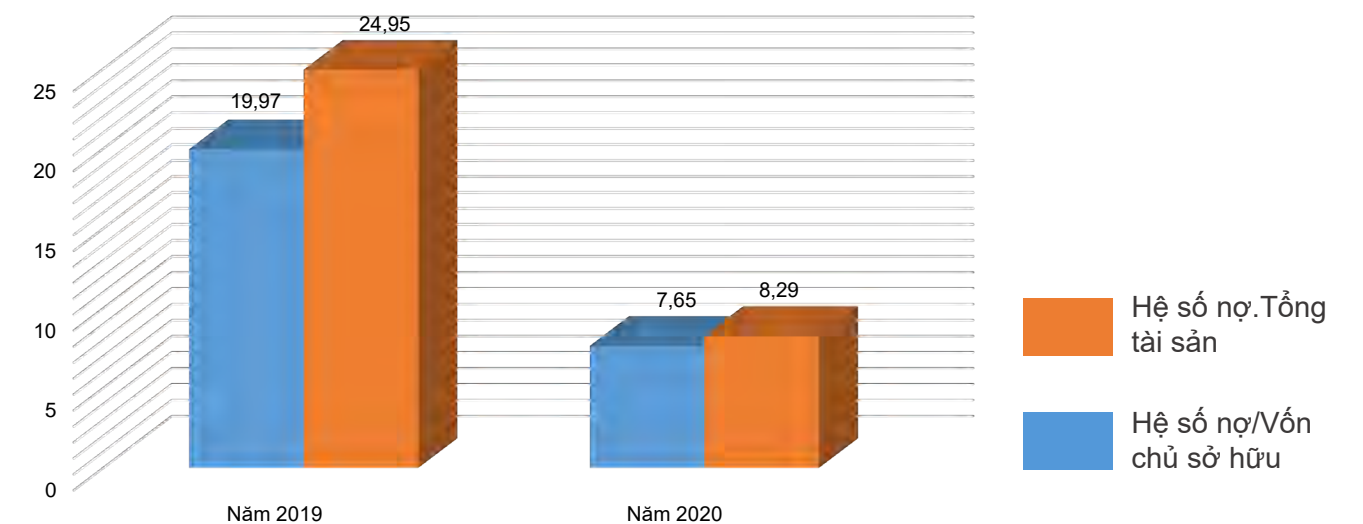
Về khả năng thanh toán

Trong năm 2020, chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều tăng mạnh, cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều cao gấp 3 lần so với năm 2019 với giá trị lần lượt là 9,51 lần và 9,42 lần. Nguyên nhân chủ yếu của sự gia tăng trên là do tài sản ngắn hạn tăng 16% (14,9 tỷ đồng) và nợ ngắn hạn giảm đến 59% (15,9 tỷ đồng) - cụ thể là do Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 20%/mệnh giá. Chỉ tiêu này cho thấy khả năng thanh toán của DRL vẫn đang duy trì ở mức tốt.



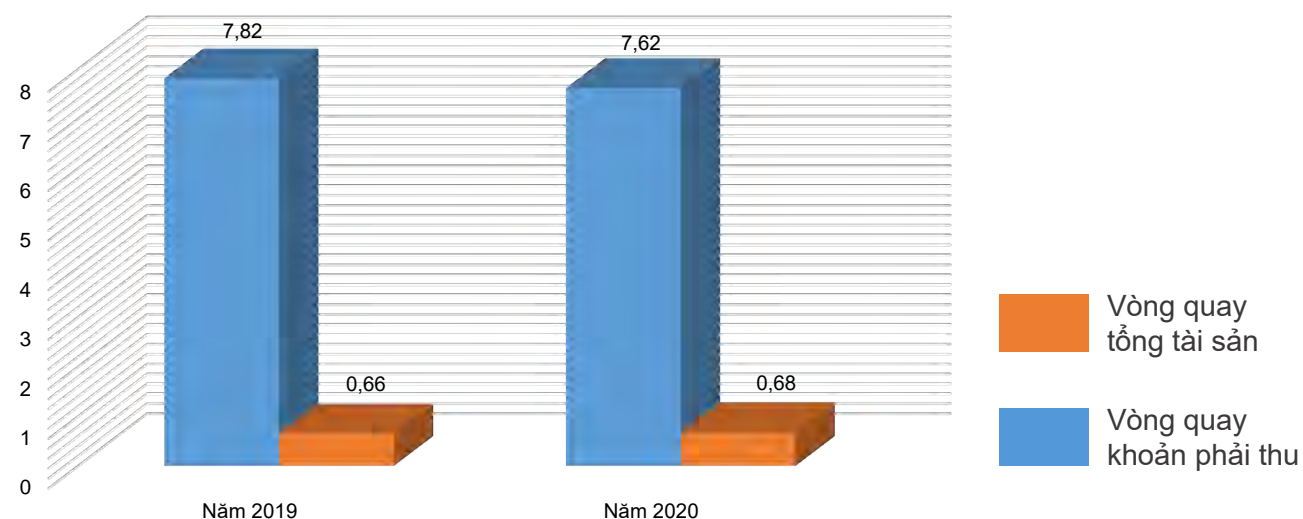
Về cơ cấu vốn

Trong năm 2020, với dòng tiền kinh doanh ổn định và không có nhu cầu vay vốn để đầu tư vào dự án mới nên cơ cấu vốn của Công ty chỉ bao gồm nợ ngắn hạn và không có nợ vay. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty năm 2020 giảm mạnh so với cùng kỳ do nợ ngắn hạn giảm trong khi tài sản và vốn chủ sở hữu đều có xu hướng tăng. Theo đó, hệ số Nợ/ Tổng tài sản và hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu có xu hướng giảm mạnh so với năm 2019, lần lượt là 12,31% và 6,66%.



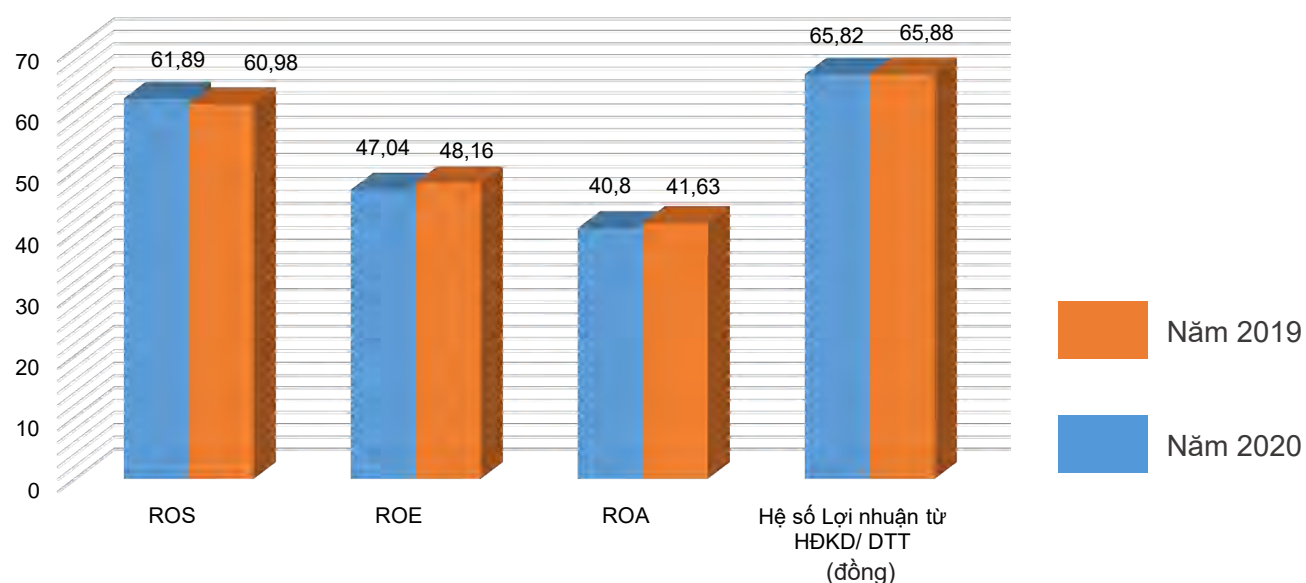
Về năng lực hoạt động

Năm 2020, chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty vẫn duy trì ở mức ổn định: vòng quay tổng tài sản đạt 0,68 vòng (tăng 0,2 vòng), vòng quay khoản phải thu đạt 7,62 vòng (giảm 0,2 vòng). Kết quả phân tích này cho thấy hiệu suất sử dụng tài sản và khả năng quản trị khoản phải thu của công ty đang ngày càng được nâng cao. Nguyên nhân chính dẫn đến sự biến động nhẹ trong chỉ tiêu này là do doanh thu tăng nhanh hơn so với khoản phải thu nhưng chậm hơn so với mức tăng của tổng tài sản; cụ thể, doanh thu năm 2020 tăng 7,56% (tăng 6,8 tỷ đồng), các khoản phải thu tăng 34,64% (3,8 tỷ đồng) và tổng tài sản tăng 11,25 tỷ đồng (tăng xấp xỉ 8%) so với cùng kì năm ngoái.



Về khả năng sinh lời

Năm 2020, dù bị ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết không thuận lợi vào đầu năm, song nhìn chung, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của DRL đều tăng trưởng và đạt ở mức khá cao so với những doanh nghiệp cùng ngành. Cụ thể, chỉ số ROE, ROA năm 2020 tăng lần lượt là 1,13 % và 0,83%; riêng hệ số ROS giảm 0,91% so với cùng kỳ do doanh thu thuần (tăng 6,80 tỷ đồng) tăng nhanh hơn lợi nhuận sau thuế (tăng 3,32 tỷ đồng). Chỉ tiêu này cho thấy trong năm 2020, DRL vẫn đang hoạt động tương đối thuận lợi.



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành	: 9.500.000 cổ phiếu
• Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 9.500.000 cổ phiếu
• Số lượng cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu
Loại cổ phần	: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông 1.924 cổ đông (Tính đến ngày 31/12/2020)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
I	Nhà nước	1	2.890.000	30,421%
II	Cổ đông trong nước	1.895	9.403.230	98,98%
	Tổ chức	2	2.891.058	30,43%
	Cá nhân	1.893	6.512.172	68,55%
III	Cổ đông nước ngoài	29	96.770	1,02%
	Tổ chức	8	72.920	0,77%
	Cá nhân	21	23.850	0,25%
	Tổng cộng	1.924	9.500.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Tiêu thụ năng lượng

Trong nhiều năm qua, Công ty luôn chú trọng đến việc sử dụng nguồn năng lượng một cách hiệu quả và tiết kiệm. Công ty luôn quan tâm đến công tác quản lý chi phí nhiên liệu nhằm đảm bảo nguồn nhiên liệu với chi phí hợp lý cho hoạt động vận hành nhà máy, máy móc thiết bị.

Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

Nhằm mục tiêu giảm chi phí, tiết kiệm nguồn nước và góp phần bảo vệ môi trường tại địa bàn kinh doanh, Công ty luôn cố gắng thực hiện tốt và hiệu quả nhất có thể đối với công tác quản lý và sử dụng nguồn nước.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

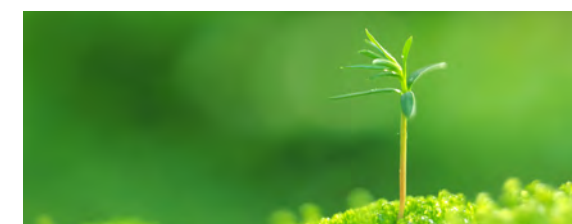
Ý thức được trách nhiệm đối với môi trường, trong nhiều năm qua, Công ty luôn quan tâm đến công tác kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động kinh doanh đến môi trường xung quanh, từ đó giúp ban điều hành Công ty có những biện pháp xử lý, sử dụng hợp lý, kịp thời các nguồn tài nguyên tại khu vực hoạt động kinh doanh. Trong nhiều năm qua, Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ các quy định về môi trường.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Với đặc thù kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng, nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ dùng để sửa chữa, vận hành nhà máy, máy móc thiết bị, do đó, chi phí nguyên vật liệu của Công ty luôn chiếm mức trong chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Bên cạnh nỗ lực sản xuất kinh doanh, hằng năm, Công ty đã thực hiện nhiều công tác hỗ trợ cộng đồng thông qua nhiều chương trình từ thiện – xã hội ý nghĩa. Trong đó, nổi bật là Công ty đã tham gia hỗ trợ cho Hội nạn nhân chất độc màu da cam, hộ nghèo, gia đình chính sách huyện Cư Jút và của tỉnh Đắk Nông; hỗ trợ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cư Jút. Ngoài ra, Công ty cũng tham gia tích cực vào một số công tác xã hội tại địa phương khác.



Chính sách liên quan đến người lao động

- **Chính sách lương**
Công ty xây dựng chính sách lương cạnh tranh, phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Đồng thời, mức lương mà Công ty thực hiện phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Mức lương này được căn cứ theo tính chất công việc và trách nhiệm của người lao động, trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty sẽ thực hiện chi trả lương làm thêm giờ hoặc phụ cấp làm đêm theo quy định của Bộ luật Lao động.
- **Chính sách khen thưởng**
Công ty thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ công nhân viên định kỳ hàng tháng nhằm làm cơ sở cho việc trả lương và khen thưởng hàng tháng và vào cuối năm. Đồng thời, nếu trong năm Công ty đạt hoặc vượt kế hoạch đã đề ra, người lao động sẽ được cân nhắc thưởng theo chức vụ và cấp công việc, khoản chi trả này được trích từ quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty.





III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- Đánh giá kết quả thực hiện một số nội dung quan trọng năm 2020
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Phương hướng và nhiệm vụ sản xuất năm 2021

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình chung

Vượt qua những khó khăn trong 6 tháng mùa khô đầu năm 2020, khi lưu lượng nước về quá thấp, không đảm bảo để vận hành đủ công suất các tổ máy, cùng với đó là tình hình dịch bệnh Covid - 19 diễn biến phức tạp, gây không ít khó khăn cho việc thực hiện hoàn thành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của công ty. Nhưng với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban Kiểm soát; Sự điều hành quyết liệt của Ban Giám đốc đã cùng tập thể Người lao động trong công ty hoàn thành vượt kế hoạch trước 01 tháng các chỉ tiêu tài chính - sản xuất kinh doanh và tất cả các nội dung đề ra trong Nghị quyết.

Tuy nhiên, hoạt động SXKD của công ty vẫn gặp phải một số khó khăn, đó là:

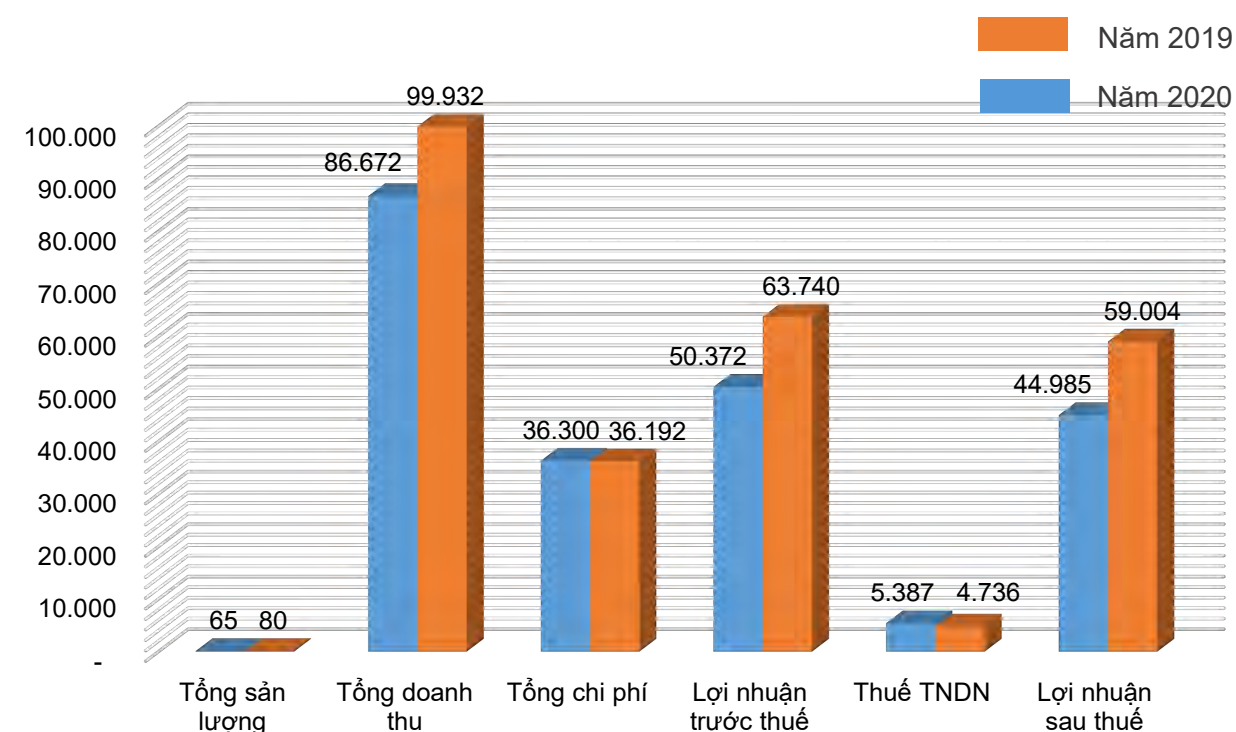
- Trong 2 tháng cuối năm 2020 và các tháng đầu năm 2021, nguồn điện mặt trời đã vận hành và đưa vào hệ thống điện với công suất rất lớn, gây ảnh hưởng đến công tác vận hành hệ thống điện Đăk Lăk nói riêng và toàn hệ thống khu vực Tây Nguyên nói chung, gây quá tải đường dây và trạm 110kV ETAM, nên điều độ hệ thống điện Đăk Lăk phải hạn chế công suất phát của các nhà máy thủy điện IPP trên địa bàn (phân bổ theo tỷ lệ công suất các nhà máy), đặc biệt là tập trung vào khung giờ cao điểm trưa (9h30-11h30). Điều này làm ảnh hưởng đến việc khai thác sản lượng và doanh thu trong năm 2021 của công ty.
- Quy trình vận hành hồ chứa cụm thủy điện Đrây H'Linh vẫn chưa được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình nguồn nước trong thời gian qua gây ra tình trạng lúc thừa, lúc thiếu nước cho cả cụm thủy điện Đrây H'Linh vận hành, làm lãng phí nguồn nước trong mùa khô.
- Nhà máy đã vận hành thương mại hơn 15 năm, các thiết bị đã già cỗi đã phát sinh những sự cố khách quan không thể lường trước để ngăn ngừa.
- Còn một số ít cổ đông không quan tâm thực hiện thủ tục lưu ký và đăng ký nhận cổ tức qua tài khoản để công ty kịp thời chi trả. Đồng thời, địa chỉ liên lạc với cổ đông không được cập nhật chính xác và rõ ràng, gây khó khăn trong việc liên lạc với nhà đầu tư của công ty trong thời gian qua.
- Công tác tìm kiếm dự án đầu tư gặp nhiều khó khăn do vướng một số cơ chế quản lý của Nhà nước.
- Ảnh hưởng bởi diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Nhìn chung, so với mục tiêu đã đặt ra cho năm 2020, mặc dù đã có những bất lợi về mặt khách quan lẫn chủ quan trong công tác sản xuất kinh doanh nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2, song dưới sự chỉ đạo đúng đắn của Ban lãnh đạo cùng những nỗ lực hết mình của toàn thể cán bộ nhân viên, các chỉ tiêu về sản lượng điện thương phẩm, doanh thu, lợi nhuận,... đã vượt mức đề ra trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên. Đặc biệt là cổ tức đạt 58,62%, vượt 14,17% so với kế hoạch đã đề ra.

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng sản lượng	kWh	65.000.000	80.370.603	1,24
2	Tổng doanh thu	Đồng	86.672.322.000	99.932.069.615	1,15
Trong đó:					
	Doanh thu tiền điện	Đồng	73.912.705.000	85.512.199.165	1,16
	Doanh thu tài chính	Đồng	3.500.000.000	3.173.645.724	0,91
	Doanh thu từ Thuế Tài nguyên	Đồng	6.059.430.000	7.492.588.018	1,24
	Doanh thu từ Phí DVMT rừng	Đồng	2.340.000.000	2.893.449.708	1,24
	Tiền cấp quyền khai thác nước mặt	Đồng	860.187.000	860.187.000	1,00
3	Tổng chi phí	Đồng	36.300.002.000	36.192.468.474	1,00
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	50.372.320.000	63.739.601.141	1,27
5	Thuế TNDN	Đồng	5.387.232.000	4.735.922.273	0,88
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	44.985.088.000	59.003.678.868	1,31

Ghi chú:- Tổng chi phí đã bao gồm việc trích nộp Thuế Tài nguyên; Phí DVMT rừng và tiền cấp quyền khai thác nước mặt.



Nhận xét:

Có thể nói, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 của Công ty rất khả quan, điều này giúp DRL đạt được những thành quả nhất định. Tổng sản lượng điện thương phẩm năm 2020 là 80,37 triệu kWh, vượt 24% so với kế hoạch đề ra theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Đồng thời trong năm, giá bán điện được giữ ở mức ổn định nên tổng doanh thu năm 2020 tăng 12% so với kế hoạch, đạt 96,76 tỷ đồng. Tổng chi phí giữ ở mức ổn định giúp cho lợi nhuận trước thuế và sau thuế năm 2020 tăng so với năm 2019 lần lượt là 13,37 tỷ đồng; 14,02 tỷ đồng, đều vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Trong năm 2020, Ban Tổng giám đốc đã luôn quan tâm, chỉ đạo kịp thời trong công tác vận hành, duy trì nhà máy thủy điện nhằm tạo điều kiện đảm bảo vận hành an toàn các thiết bị, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Cụ thể như sau:

- Bám sát và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Quản lý vận hành và khai thác an toàn, hiệu quả nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2.
- Phối hợp với Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung, Nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 3 để thuê tư vấn thực hiện việc điều chỉnh Quy trình vận hành hồ chứa Đrây H'Linh cho phù hợp với thực tế vận hành trong thời gian qua, đồng thời chủ động phối hợp với các nhà máy tại cụm Đrây H'Linh để khai thác tốt nguồn nước phát điện vào giờ cao điểm mùa khô.
- Đẩy mạnh công tác quản lý kỹ thuật, kiểm tra thường xuyên các thiết bị tại nhà máy, sớm phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra, để luôn đảm bảo việc huy động hết công suất của các tổ máy khi có nguồn nước, đặc biệt là vào giờ cao điểm.
- Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân, nhằm chủ động trong việc vận hành thiết bị và xử lý sự cố, sửa chữa thiết bị.
- Triển khai một cách nhanh chóng, chất lượng và hợp lý về mặt thời gian các hạng mục thuộc công trình: Bảo dưỡng và thí nghiệm định kỳ nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2 năm 2020.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG QUAN TRỌNG NĂM 2020



Công tác khắc phục sự cố

Trong công tác vận hành và khai thác nhà máy năm 2020 đã xảy ra một số sự cố nhỏ, nhưng bằng sự nỗ lực của toàn bộ CBCNV trong công ty đã chủ động tự khắc phục các sự cố xảy ra trong thời gian ngắn nhất để tiếp tục đưa các tổ máy vào vận hành khai thác hiệu quả, điển hình như:

- Sự cố hỏng sứ xuyên pha B và pha C phía 35kV máy biến áp T2;
Lý do: Chim cú mèo mắc vào 2 đầu sứ xuyên của pha B và C phía 35kV máy biến áp T2.
- Hỏng máy nén khí cao áp số 1 của nhà máy;
Lý do: Do máy vận hành trong thời gian dài, một số chi tiết cơ khí chính của máy mòn quá giới hạn, không có thiết bị thay thế.
- Hỏng cách điện cuộn dây Stator máy phát điện của tổ máy số 1;
Lý do: Do các lá thép từ biên dưới của mạch từ Stator đứt ra, cắt vào cách điện của cuộn dây pha C Stator.
- Sự cố Biến điện áp đo đếm dự phòng (TU C31-2);
Lý do: Do chạm đất phía 35 kV đường dây 371 ETAM.

Nhận xét: Qua công tác kiểm tra thực tế hiện trường, các sự cố xảy ra trong năm đều do các yếu tố khách quan gây nên bao gồm các lỗi thiết kế và chế tạo của nhà sản xuất. Theo đó, các sự cố này đều khó phát hiện và khó lường trước được nên việc ngăn ngừa rủi ro rất khó khăn.



Công tác tài chính

Trong năm, với nguồn tiền nhàn rỗi, công ty gửi tiết kiệm có kỳ hạn nhằm mục đích sử dụng nguồn tiền an toàn và hiệu quả, làm tăng doanh thu cho công ty.

Hoàn thành việc lập và kiểm toán các báo cáo tài chính quý đúng thời gian và công bố thông tin đúng theo quy định hiện hành của nhà nước.

Thường xuyên thực hiện công tác kiểm soát chi phí hoạt động của công ty năm 2020, từ đó làm cho tổng chi phí thực hiện trong năm giảm 0,30% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên giao.

Thực hiện Nghị quyết của HĐQT, Ban Giám đốc đã hoàn thành việc chi trả 03 đợt cổ tức:

- Đợt 1/2020 với tỷ lệ là: 15,00% (Gồm: Phần cổ tức còn lại của năm 2019 là 9,20 % và tạm ứng phần lợi nhuận năm 2020 là: 5,80 %, được chi trả vào ngày 12/05/2020).
- Đợt 2/2020 với tỷ lệ là: 15,00% (Tạm ứng phần lợi nhuận năm 2020 và chi trả vào ngày 06/10/2020).
- Đợt 3/2020 với tỷ lệ là: 20,00% (Tạm ứng phần lợi nhuận năm 2020, đã thực hiện chi trả vào ngày 21/01/2021).

Việc thực hiện chế độ lương, thưởng cho Người lao động: Người lao động là thành phần không thể thiếu và là tư liệu lao động quan trọng trong quản lý, vận hành nhà máy, nhất là đối với công ty có ít nhân sự như DRL. Lương, thưởng của người lao động năm 2020 phụ thuộc hoàn toàn vào kết quả sản xuất kinh doanh của năm. Công ty luôn quan tâm đến việc chi trả kịp thời, đúng quy định với một mức xứng đáng so với công sức mà người lao động đóng góp để khuyến khích cán bộ công nhân viên trong công việc và gắn bó với công ty.



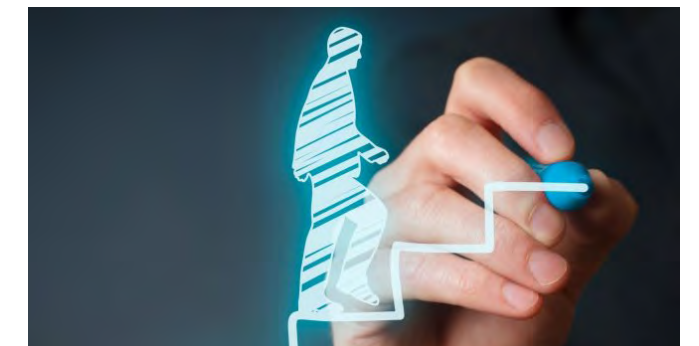
Công tác quản lý kỹ thuật, An Toàn- Vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt

Nhằm đảm bảo việc vận hành được liên tục, Công ty luôn duy trì công tác quản lý thiết bị theo nề nếp, chủ động thực hiện công tác mua sắm vật tư thiết bị dự phòng phục vụ xử lý sự cố và sản xuất kịp thời. Công ty luôn chú trọng công tác an toàn trong vận hành hệ thống, đồng thời tuân thủ nghiêm chế độ phiếu thao tác, phiếu công tác.

Đặc biệt, đối với các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, Công ty luôn chú trọng đến công tác kiểm định, tổ chức huấn luyện và kiểm tra sát hạch định kỳ cho công nhân về vận hành các thiết bị trên.

Công ty luôn quan tâm đến công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, công tác vận hành an toàn nhà máy thông qua việc tổ chức huấn luyện và diễn tập phương án phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt cho toàn thể CBCNV công ty.

Công tác An toàn - Vệ sinh lao động luôn được Công ty quan tâm thực hiện một cách chu đáo. Đồng thời, các chế độ phụ cấp ca 3, phụ cấp làm thêm giờ, cấp trang bị bảo vệ cá nhân, trang cụ an toàn,... được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.



Công tác khác

Tổ chức, sắp xếp bổ nhiệm các vị trí chủ chốt trong bộ máy quản lý theo đúng Điều lệ hoạt động và Quy chế quản trị của công ty.

Công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán: Nhận định được tầm quan trọng của việc minh bạch thông tin trên thị trường chứng khoán đối với niềm tin của nhà đầu tư, trong thời gian qua, Công ty đã thực hiện rất tốt công tác công bố và minh bạch thông tin đúng theo quy định của pháp luật.

Trong nhiều năm qua, Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo đột xuất và định kỳ đến các Sở, Ban ngành địa phương, từ đó đảm bảo công tác quản lý và vận hành luôn phù hợp và tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của pháp luật.



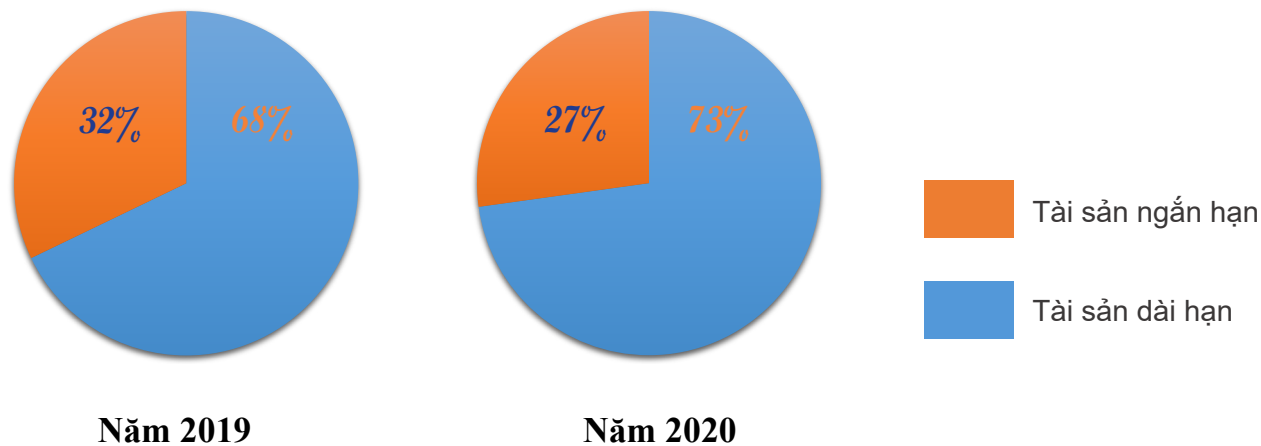
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

(tính tại thời điểm 31/12/2020)

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Tỷ trọng năm 2019	Năm 2020	Tỷ trọng năm 2020	% 2020 / 2019
Tài sản ngắn hạn	92.353.849.097	67,85%	107.281.807.306	72,80%	116%
Tài sản dài hạn	43.763.949.541	32,15%	40.082.679.075	27,20%	92%
Tổng tài sản	136.117.798.638	100,00%	147.364.486.381	100,00%	108%



Năm 2020, tổng tài sản của Công ty đạt 147,36 tỷ đồng, tăng nhẹ 8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tài sản dài hạn của Công ty trong năm giảm 8% so với năm 2019, nguyên nhân là do sự tăng lên trong khấu hao tài sản cố định và chi phí trong kỳ. Tài sản ngắn hạn năm 2020 là 107,28 tỷ đồng, tăng đến 16% so với năm 2019 do các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tăng lên 7 tỷ đồng và khoản phải thu của Tổng Công ty điện lực Miền Trung tăng 3,82 tỷ đồng.

ĐVT: đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại / Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	50.819.609.215	31.197.518.897	61,39%
Máy móc thiết bị	86.617.815.290	77.339.655	0,09%
Phương tiện vận tải	14.070.674.817	6.544.717.133	46,51%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	991.856.126	204.418.468	20,61%
TSCĐ khác	-	-	-
Tổng cộng	152.499.955.448	38.023.994.153	24,93%

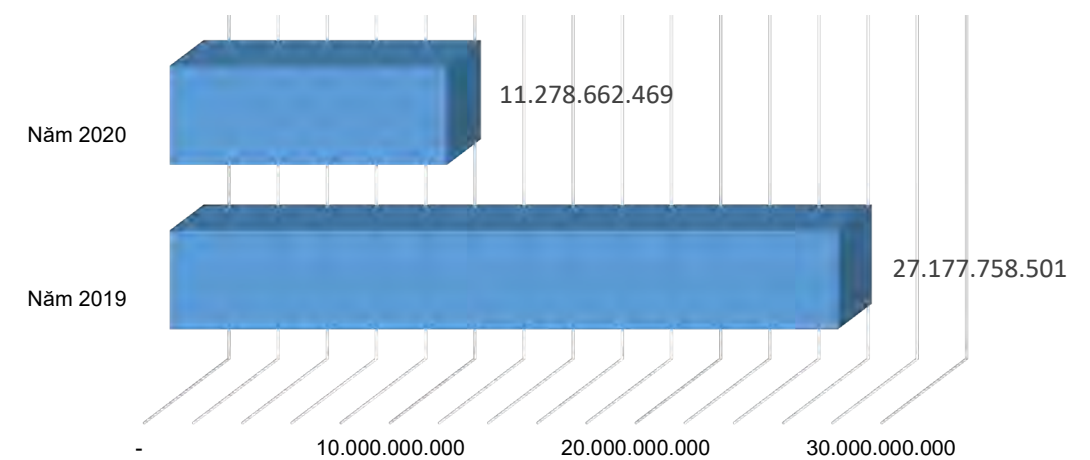
*Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2020

Tình hình nợ phải trả

(tính tại thời điểm 31/12/2020)

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Tỷ trọng năm 2019	Năm 2020	Tỷ trọng năm 2020	% 2020 / 2019
Nợ ngắn hạn	27.177.758.501	100,00%	11.278.662.469	100,00%	41,50%
Nợ dài hạn	-	0,00%	-	0,00%	0,00%
Tổng cộng	27.177.758.501	100,00%	11.278.662.469	100,00%	41,50%



Trong nhiều năm qua, do chưa có nhu cầu vay vốn để đầu tư nên nợ phải trả của DRL đến từ 100% nợ phải trả ngắn hạn. Trong năm 2020, nợ ngắn hạn của Công ty giảm hơn phân nửa so với cùng kỳ năm 2019, giảm 15,9 tỷ đồng tương ứng với mức giảm 58,50%. Nguyên nhân chính của sự sụt giảm trên là Công ty thực hiện chi trả cổ tức đợt 3 năm 2019, tổng mức chi trả là 19 tỷ đồng.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức

Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên nhiệt huyết, có trình độ chuyên môn tốt, có tinh thần trách nhiệm và đoàn kết tập thể cao. Nhờ vậy, tuy bộ máy quản lý của DRL gọn nhẹ nhưng hoạt động vô cùng hiệu quả. Đồng thời, để nâng cao hơn nữa chất lượng của đội ngũ nhân sự, Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo cơ bản và thực tế bằng nhiều hình thức.



Kiểm soát chi phí

Trong năm, Công ty đã xây dựng các kế hoạch tài chính và chi phí một cách hợp lý, hợp lệ, cắt giảm các khoản chi phí không cần thiết, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đã phối hợp với Ban kiểm soát rà soát, kiểm tra nhằm đảm bảo việc thực hiện các kế hoạch trên một cách triệt để và hiệu quả nhất, từ đó đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao.



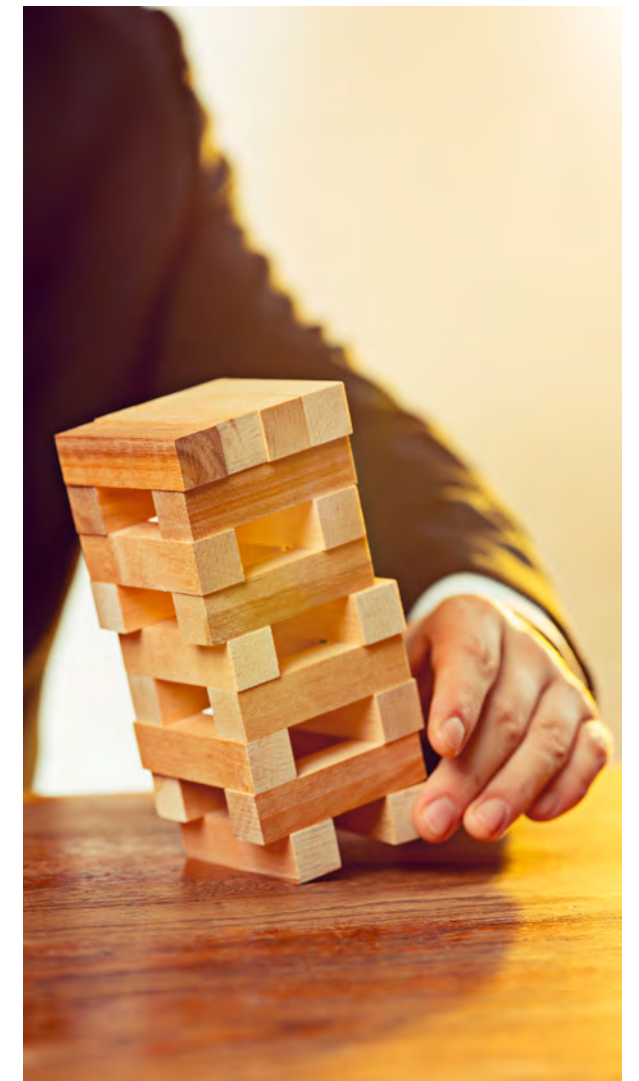
Về trách nhiệm xã hội

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh chính, Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 luôn hoàn thành tốt các trách nhiệm đối với cộng đồng thông qua việc hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, thực hiện tốt nghĩa vụ lương - thưởng – phúc lợi khác đối với người lao động. Ngoài ra, Công ty đã tham gia tích cực các hoạt động công tác xã hội tại địa phương như hỗ trợ cho Hội nạn nhân chất độc màu da cam, hộ nghèo, gia đình chính sách huyện Cư Jút và của tỉnh Đắk Nông; hỗ trợ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cư Jút...



Các biện pháp kiểm soát hoạt động

Công ty luôn thực hiện các chế độ báo cáo của Ban điều hành đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát một cách nghiêm túc. Đồng thời, các báo cáo của Công ty với các cơ quan cấp trên và Ban, Ngành liên quan, đặc biệt là đối với Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, luôn theo đúng các quy định của pháp luật.



PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ SẢN XUẤT NĂM 2021

Các chỉ tiêu của kế hoạch kinh doanh

Tình hình thời tiết năm 2021 tại Tây Nguyên rất khó dự đoán, dự báo lượng mưa trong khu vực vẫn thấp như các năm trước, đặc biệt là tại lưu vực sông Sêrêpôk; chế độ vận hành thì phụ thuộc hoàn toàn vào thủy điện bậc trên, trong khi đó diễn biến tình hình đại dịch Covid-19 vẫn rất khó lường. Đó là dự báo các yếu tố bất lợi cho công tác sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021.

Với các chỉ tiêu Hội đồng quản trị đưa ra, Ban Giám đốc xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch tài chính và phương án phân phối lợi nhuận cụ thể cho năm 2021 như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	80.370.603	71.000.000	88,34
2	Tổng doanh thu	Đồng	99.932.069.615	91.751.421.000	91,81
	Trong đó:	Đồng			
	+ Doanh thu tiền điện	Đồng	85.512.199.165	78.716.472.000	92,05
	+ Doanh thu tài chính	Đồng	3.173.645.724	3.000.000.000	94,53
	+ Doanh thu từ thuế TN nước	Đồng	7.492.588.018	6.618.762.000	88,34
	+ Doanh thu phí DVMT rừng	Đồng	2.893.449.708	2.556.000.000	88,34
	+ Phí cấp quyền khai thác nước mặt	Đồng	860.187.000	860.187.000	100,00
3	Tổng chi phí (*)	Đồng	36.192.468.474	36.621.824.000	101,19
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	63.739.601.141	55.129.597.000	86,49
5	Thuế TNDN	Đồng	4.735.922.273	5.812.960.000	122,74
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	59.003.678.868	49.316.637.000	83,58
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	6.211	5.191	83,58
8	Trích lập các quỹ	Đồng	3.310.147.155	3.240.154.000	97,89
	+ Quỹ Phúc lợi	Đồng	950.000.000	1.267.489.000	133,42
	+ Quỹ khen thưởng (4%LNST)	Đồng	2.360.147.155	1.972.665.000	83,58
9	Lợi nhuận còn lại	Đồng	55.693.531.713	46.076.483.000	82,73
10	Cổ tức	%	58,62	48,50	82,73



Công tác sản xuất kinh doanh năm 2021

- Bám sát, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT công ty.
- Quản lý vận hành và khai thác an toàn, hiệu quả nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2.
- Tiếp tục phối hợp với Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung, Công ty TNHH Xây lắp điện Hưng Phúc để đẩy nhanh việc thuê tư vấn điều chỉnh Quy trình vận hành hồ chứa Đrây H'Linh cho phù hợp với thực tế vận hành trong thời gian qua, đồng thời chủ động phối hợp với các nhà máy tại cụm Đrây H'Linh để khai thác tốt nguồn nước phát điện vào giờ cao điểm mùa khô.
- Đẩy mạnh công tác quản lý kỹ thuật, kiểm tra thường xuyên các thiết bị tại nhà máy, sớm phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra, để luôn đảm bảo việc huy động hết công suất của các tổ máy khi có nguồn nước, đặc biệt là vào giờ cao điểm.
- Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân, nhằm chủ động trong việc vận hành thiết bị và xử lý sự cố, sửa chữa thiết bị.
- Triển khai một cách nhanh chóng, chất lượng và hợp lý về mặt thời gian các hạng mục thuộc công trình: Bảo dưỡng và thí nghiệm định kỳ nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2 năm 2021.
- Tiếp tục duy trì và nâng cao công tác quản lý tài chính, quản lý kỹ thuật, an toàn - vệ sinh lao động, PCCN, PCBL.
- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của công ty đối với địa phương.
- Trình Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua chủ trương xây dựng khu văn phòng làm việc của Công ty.
- Sửa chữa nhà vận hành nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2 đã xuống cấp sau thời gian hơn 14 năm đưa vào sử dụng.
- Tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể trong công ty hoạt động để góp phần thúc đẩy Người Lao động thi đua lao động sản xuất an toàn hiệu quả, mang lại lợi ích kinh tế, cải thiện đời sống và bảo vệ lợi ích người lao động. Phân đấu đạt mức thu nhập bình quân cho người lao động năm 2021 không thấp hơn 20 triệu đồng/người/tháng.



IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch và biện pháp thực hiện của Ban Giám đốc Công ty

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2020 thực hiện

Tình hình thời tiết năm 2020 tại Tây Nguyên có nhiều diễn biến đổi lập. Trong nửa đầu năm 2020, lượng mưa trong khu vực khá thấp, đặc biệt là tại lưu vực sông Sêrêpôk vì chế độ vận hành thì phụ thuộc hoàn toàn thủy điện bậc trên, trong khi đó hồ thủy điện Buôn Tua Shar chưa tích đủ nước để vận hành. Tuy nhiên, sang nửa cuối năm, hiện tượng mưa lũ xuất hiện dày đặc đã giúp lượng mưa trong khu vực tăng cao. Theo đó, các doanh nghiệp thủy điện tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên trong đó có Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 tăng đáng kể về sản lượng điện thương phẩm so với các năm trước liền kề.

Đồng thời với sự điều hành quyết liệt của Hội đồng quản trị, theo sát những kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 đã hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu tài chính quan trọng mà ĐHQĐ thường niên năm 2020 giao, cụ thể: tổng doanh thu được ghi nhận là 96,76 tỷ đồng, vượt 7,56% so với kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 59 tỷ đồng, vượt 7,91% kế hoạch năm và mức cổ tức là 58,62%/cp, vượt 14,17% so với mức cổ tức kế hoạch. Đó chính là những thành quả của một năm đầy quyết tâm và cố gắng trong công tác sản xuất kinh doanh và điều hành với những giải pháp đồng bộ của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể Người lao động trong Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3.

Chỉ tiêu	TH năm 2019	KH năm 2020	TH năm 2020	%TH2020/ TH2019	%TH2020/ KH2020
Tổng doanh thu	89.960.985.336	86.672.322.000	96.758.423.891	107,56%	111,64%
Lợi nhuận trước thuế	58.209.367.779	50.372.320.000	63.739.601.141	109,50%	126,54%
Lợi nhuận sau thuế	54.679.460.823	44.985.088.000	59.003.678.868	107,91%	131,16%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

So với một số doanh nghiệp trong cùng ngành, Công ty cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 là doanh nghiệp có quy mô nhỏ. Tuy nhiên, Công ty có biên lợi nhuận gộp đạt mức trên 70%, cao hơn so với trung bình các doanh nghiệp thủy điện khác (khoảng 65%) là nhờ tận dụng được lợi thế suất đầu tư thấp và kiểm soát chi phí hiệu quả. Công ty có tỷ lệ chi phí chiếm khoảng 40% so với tổng doanh thu, là tỷ lệ chi phí trên doanh thu thấp nhất so với các doanh nghiệp sản xuất thủy điện. Đây là một lợi thế giúp nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của công ty trong thời gian tới.

Mã chứng khoán	Tổng doanh thu (đồng)	Tổng chi phí (đồng)	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	% Chi phí / Doanh thu
DRL	96.758.423.891	36.192.468.474	59.003.678.868	36,22%
TMP	489.231.892.100	255.833.814.800	381.278.788.845	52,29%
S4A	235.453.863.280	144.842.653.600	85.927.753.084	61,52%
CHP	838.813.423.600	51.051.813.040	287.465.680.817	17,27%
SBA	298.696.460.100	174.034.129.900	101.872.139.669	58,26%
SBH	845.746.751.100	424.178.188.400	395.311.138.552	50,15%

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Đánh giá về hoạt động của của Ban Giám đốc

Trong năm, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát, chỉ đạo Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng phạm vi và quyền hạn của mình theo quy định pháp luật và điều lệ hoạt động của Công ty thông qua việc ban hành các Các Quyết định, Nghị quyết chỉ đạo Ban Giám đốc. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc và toàn thể Người lao động đã nỗ lực tìm kiếm cơ hội đầu tư mở rộng, chủ động đổi mới và nỗ lực giải quyết các khó khăn phát sinh trong năm, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Thông qua các phiên họp Hội đồng quản trị hàng quý, 6 tháng và bất thường, các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, đôn đốc kịp thời các hoạt động của Ban Giám đốc, đảm bảo các hoạt động sản xuất của Công ty luôn bám sát theo các nội dung, kế hoạch của Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị năm 2020. Từ đó, lợi ích cho các cổ đông của Công ty luôn được đảm bảo cao nhất, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

Công ty luôn không ngừng đổi mới công tác quản lý, xây dựng văn hoá doanh nghiệp,... nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và năng lực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhờ vậy, công tác chỉ đạo điều hành sản xuất của Công ty tiếp tục ổn định và ngày càng phát huy tác dụng, từ đó giúp cho hiệu quả công việc ngày càng được cải thiện và giảm thiểu chi phí hoạt động hằng năm của Công ty.



Kết quả hoạt động giám sát

Công tác chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị với Giám đốc trong năm 2020 đã đạt được kết quả với tỷ lệ đạt so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện	% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020
Sản lượng điện thương phẩm	80,37 triệu kWh	123,65%
Tổng doanh thu	99,93 tỷ đồng	115,30%
Tổng chi phí	36,19 tỷ đồng	99,70%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	63,74 tỷ đồng	126,54%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	59,00 tỷ đồng	131,16%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.211 đồng/cp	131,16%
Cổ tức đạt	58,62%	131,89%

Chỉ đạo các công tác khác

- Tổ chức thành công Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;
- Thực hiện chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2019 và tạm ứng cổ tức đợt 1, 2, 3 năm 2020 cho các cổ đông của công ty.

Tình hình chi trả cổ tức trong năm 2020

Lần	Tỷ lệ chi trả (%/Mệnh giá cổ phiếu)	Ngày thực hiện chi trả
Đợt 3 năm 2019	20,00%	09/01/2020
Còn lại 2019 và đợt 1 năm 2020	15,00% (phần còn lại của năm 2019 là 9,20%; năm 2020 là 5,80%)	12/05/2020
Đợt 2 năm 2020	15,00%	06/10/2020
Đợt 3 năm 2020	20,00%	21/01/2021

CÁC KẾ HOẠCH VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021
Sản lượng	kWh	71.000.000
Tổng doanh thu	Đồng	91.751.421.000
Tổng chi phí	Đồng	36.621.824.000
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	55.129.597.000
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	49.316.637.000
Cổ tức dự kiến	Đồng	48,50



Biện pháp thực hiện

Để thực hiện các chỉ tiêu nêu trên, sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp sau đây:

- Chỉ đạo Ban Giám đốc bám sát và thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, Nghị quyết và các chỉ đạo của HĐQT.
- Chỉ đạo Giám đốc công ty phối hợp theo dõi công tác vận hành của các nhà máy thủy điện bậc trên để vận hành nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2, đảm bảo vận hành theo lượng nước về. Tiếp tục phối hợp với các chủ đầu tư của các nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 1 và 3 để sửa đổi bổ sung Quy trình vận hành hồ chứa Đrây H'Linh cho phù hợp với tình hình thực tế nguồn nước vận hành trong thời gian qua, đảm bảo trên tinh thần không lãng phí nguồn nước.
- Chỉ đạo công tác chuẩn bị vật tư, thiết bị và nhân lực để thực hiện một số công việc: sửa chữa bảo dưỡng định kỳ nhà máy theo kế hoạch và sẵn sàng vận hành khi có nước. Tăng cường kỷ luật vận hành, giảm thiểu sự cố (không có sự cố chủ quan) để đạt sản lượng phát điện trong năm.
- Nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí để mang lại hiệu quả và lợi nhuận cao nhất cho cổ đông.
- Tập trung cho công tác đào tạo cán bộ, tạo thế mạnh về nguồn nhân lực cho Công ty, hoàn thiện hệ thống lương, thưởng, đánh giá và quy hoạch cán bộ quản lý.
- Tổ chức các phiên họp định kỳ và các cuộc họp mở rộng đột xuất để giám sát hoạt động và đảm bảo việc tuân thủ đúng các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đối với Ban Giám đốc.



V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Danh sách thành viên Hội đồng quản trị
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(tại ngày 31/12/2019)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Văn Đức	Chủ tịch HĐQT	5.000	0,05 %
2	Ông Lê Kim Hùng	Thành viên HĐQT độc lập	10.000	0,11 %
3	Ông Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	10.000	0,11 %
4	Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên HĐQT độc lập	73.610	0,77 %
5	Ông Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên HĐQT	251.590	2,65 %

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Đức	Chủ tịch	17/03/2020	5/6	83,33%
2	Ông Lê Kim Hùng	Thành viên	17/03/2020	6/6	100%
3	Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	23/04/2018	6/6	100%
4	Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên	23/04/2018	6/6	100%
5	Ông Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên	23/04/2018	6/6	100%

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01 -NQ/PC3HP.CO-HĐQT	06/01/2020	Một số nội dung của phiên họp HĐQT định kỳ Quý IV/2019 để thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 và triển khai kế hoạch năm 2020
2	02-NQ/PC3HP.CO-HĐQT	07/01/2020	Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
3	05-QĐ/PC3HP.CO-HĐQT	07/01/2020	Quyết định bổ nhiệm lại chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với ông Võ Đình Thanh Tuấn
4	07-NQ/PC3HP.CO-HĐQT	13/03/2020	Thông qua việc điều chỉnh Kế hoạch Tài chính - SXKD năm 2020
5	08-NQ/PC3HP.CO-HĐQT	13/03/2020	Bổ sung nội dung chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2020
6	11-NQ/PC3HP.CO-HĐQT	17/03/2020	Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023
7	12-NQ/PC3HP.CO-HĐQT	17/03/2020	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023
8	15-NQ/PC3HP.CO-HĐQT	06/04/2020	Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3
9	16-NQ/PC3HP.CO-HĐQT	09/04/2020	Chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2019 và tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền
10	16-NQ/PC3HP.CO-HĐQT	16/06/2020	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020
11	19-NQ/PC3HP.CO-HĐQT	26/08/2020	Chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2020 bằng tiền
12	20-NQ/PC3HP.CO-HĐQT	15/10/2020	Một số nội dung Quyết nghị tại phiên họp HĐQT định kỳ Quý III năm 2020
13	21 -NQ/PC3HP.CO-HĐQT	01/11/2020	Giải quyết cho ông Nguyễn Sơn - Giám đốc công ty, nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội
14	23-NQ/PC3HP.CO-HĐQT	15/12/2020	Chi trả tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2020 bằng tiền
15	24-NQ/PC3HP.CO-HĐQT	27/12/2020	Một số nội dung Quyết nghị tại phiên họp HĐQT định kỳ Quý IV năm 2020
16	25-NQ/PC3HP.CO-HĐQT	27/12/2020	Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có



BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Thanh Hà	Trưởng ban	0	0
2	Bà Hoàng Thị Thu Trang	Thành viên	10.000	0,11 %
3	Bà Vũ Thị Kiều Vân	Thành viên	0	0

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ chính theo đúng quy định của Pháp Luật và Điều lệ Công ty, bao gồm:

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của công ty để kịp thời có những kiến nghị phù hợp;
- Kiểm tra giám sát việc quản lý điều hành Công ty thông qua việc giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc. Đánh giá công tác quản lý của HĐQT và Ban Giám đốc để trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý công ty phù hợp với quy trình triển khai thực hiện kế hoạch;
- Kiểm tra báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng; Báo cáo tài chính Quý, Bán niên và Báo cáo tài chính kiểm toán năm trước khi đệ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Tăng cường sự phối hợp, trao đổi và thảo luận giữa Ban Kiểm soát và HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác thông qua các cuộc họp mở rộng của HĐQT;
- Toàn bộ các tài liệu, Biên bản họp HĐQT đều được gửi cho Ban kiểm soát nghiên cứu để đưa ra các ý kiến đóng góp kịp thời.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
I Hội đồng quản trị					
1	Ông Nguyễn Văn Đức	Chủ tịch	0	330.887.948	0
2	Ông Lê Kim Hùng	Thành viên	93.000.000		20.000.000
3	Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	84.000.000	430.326.417	20.000.000
4	Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên	84.000.000		20.000.000
6	Ông Lâm Uyên (từ nhiệm từ ngày 17/03/2020)	Thành viên	84.000.000		20.000.000
5	Ông Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên	21.000.000		20.000.000
II Ban giám đốc					
1	Ông Nguyễn Sơn	Giám đốc	0	430.326.417	88.029.900
2	Ông Võ Đình Thanh Tuấn	Phó Giám đốc	0	375.259.239	70.086.800
3	Ông Phạm Đức Hùng	Kế toán trưởng	0	284.629.913	70.086.800
III Ban kiểm soát					
1	Ông Trần Thanh Hà	Trưởng ban	0	284.938.387	54.749.733
2	Bà Hoàng Thị Thu Trang	Thành viên	60.000.000	0	15.000.000
3	Bà Vũ Thị Kiều Vân	Thành viên	60.000.000	0	15.000.000



Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Minh Tiến		53.210	0,56%	73.610	0,77%	Mua tăng tỷ lệ sở hữu
2	Lâm Uyên		5.000	0,05%	15.000	0,16%	Mua tăng tỷ lệ sở hữu

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công tác Quản trị Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt theo các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn minh bạch và suôn sẻ. Đồng thời, việc thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về quản trị còn tạo điều kiện thuận lợi giúp Công ty giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả, khuyến khích Công ty sử dụng mọi nguồn lực một cách hiệu quả nhất, từ đó giúp công ty dễ dàng theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và cổ đông.

Trong nhiều năm qua, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Nhờ vậy, hiệu quả kinh doanh và khả năng tiếp cận nguồn vốn của Công ty ngày càng được nâng cao, từ đó giúp gây dựng lòng tin của cổ đông, nhà đầu tư đối với Công ty thêm vững chắc.



VI.
BÁO CÁO
TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000163 ngày 20/11/2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/12/2014 với mã số doanh nghiệp là 0400456277 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp nhận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 35/2012/QĐ – SGDHCM ngày 30/03/2012 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DRL. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 11/04/2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 95.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2020: 95.000.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Thôn Nhà Đàn, Xã Ea pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
- Điện thoại: 0261 3684888
- Fax: 0261 3684666
- Website: www.pc3hp.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Lắp đặt hệ thống điện:
 - Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện;
 - Đầu tư xây dựng các dự án điện;
 - Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
 - Xây dựng các công trình thủy lợi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Tư vấn các công trình điện. (Công ty chỉ được phép kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đã cấp ở trên).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 34 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 4 người.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Nguyễn Văn Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17/03/2020
• Ông Lê Kim Hùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2018 Miễn nhiệm ngày 17/03/2020
	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17/03/2020
• Ông Nguyễn Sơn	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2018
• Ông Nguyễn Minh Tiến	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2018
• Ông Nguyễn Xuân Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2018
• Ông Lâm Uyên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2018 Miễn nhiệm ngày 17/03/2020

Ban Kiểm soát

• Ông Trần Thanh Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2018
• Bà Hoàng Thị Thu Trang	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2018
• Bà Vũ Thị Kiều Vân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2018

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Sơn	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2018
• Ông Võ Đình Thanh Tuấn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 01/02/2020
• Ông Phạm Đức Hùng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2018

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.1655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Đắk Nông, ngày 2 tháng 3 năm 2021

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNHTrụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnq.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vnCÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3
Xã Bapô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**
Ngày 31 tháng 12 năm 2020Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		107.281.807.306	92.353.849.097
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		67.859.440.355	65.120.422.598
1. Tiền	111	5	59.440.355	120.422.598
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	67.800.000.000	65.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.100.000.000	15.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	23.100.000.000	15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.082.463.173	11.286.276.037
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	14.097.793.520	10.276.080.652
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		83.280.000	134.430.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.369.248.054	1.343.623.786
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(467.858.401)	(467.858.401)
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.087.618.780	947.150.462
1. Hàng tồn kho	141		1.087.618.780	947.150.462
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		152.284.998	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	152.284.998	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.082.679.075	43.763.949.541
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		38.023.994.153	40.022.194.174
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	38.023.994.153	40.022.194.174
- Nguyên giá	222		152.499.955.448	152.406.955.448
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(114.475.961.295)	(112.384.761.274)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		121.000.000	121.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(121.000.000)	(121.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.058.684.922	3.741.755.367
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	2.058.684.922	3.741.755.367
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		147.364.486.381	136.117.798.638

Số: 145/2021/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 24/02/2021 của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên


Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lâm Quốc Tú - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 2 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Quốc Hùng - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4573-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.278.662.469	27.177.758.501
I. Nợ ngắn hạn	310		11.278.662.469	27.177.758.501
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	620.118.205	270.671.967
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.986.866.432	2.659.580.818
3. Phải trả người lao động	314		3.893.595.598	2.413.158.107
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	375.447.132	534.919.660
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	51.662.100	19.072.965.850
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.350.973.002	2.226.462.099
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		136.085.823.912	108.940.040.137
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	136.085.823.912	108.940.040.137
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	95.000.000.000	95.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.000.000.000	95.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	18	1.462.308.448	1.462.308.448
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	3.689.983.751	3.689.983.751
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	35.933.531.713	8.787.747.938
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	4.465.548
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		35.933.531.713	8.783.282.390
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		147.364.486.381	136.117.798.638



Nguyễn Sơn
Đắk Nông, ngày 24 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ngọc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	96.758.423.891	89.960.985.336
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		96.758.423.891	89.960.985.336
4. Giá vốn hàng bán	11	20	30.068.992.210	28.320.710.226
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		66.689.431.681	61.640.275.110
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	3.173.645.724	3.503.017.114
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	6.120.152.726	5.933.924.445
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		63.742.924.679	59.209.367.779
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		3.323.538	-
13. Lợi nhuận khác	40		(3.323.538)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		63.739.601.141	59.209.367.779
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	4.735.922.273	3.529.906.956
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		59.003.678.868	55.679.460.823
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	5.862	5.522
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	24	5.862	5.522



Nguyễn Sơn
Đắk Nông, ngày 24 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ngọc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		93.284.139.465	90.415.653.342
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(11.080.665.742)	(12.153.987.890)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.628.532.794)	(10.540.076.037)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	15	(4.349.863.631)	(4.231.720.178)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.584.940.799	9.948.843.134
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.667.367.433)	(19.621.829.005)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		55.142.650.665	53.816.883.366
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	11	(93.000.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	7	(8.100.000.000)	(15.000.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,21	3.289.367.092	3.184.718.924
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.903.632.908)	(11.815.281.076)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ P11 cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	17,18c	(47.500.000.000)	(52.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(47.500.000.000)	(52.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.739.017.757	(10.248.397.710)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,6	65.120.422.598	75.368.820.308
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quĩ đối ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5,6	67.859.440.355	65.120.422.598



Nguyễn Sơn

Đắk Nông, ngày 24 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ngọc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000163 ngày 20/11/2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/12/2014 với mã số doanh nghiệp là 0400456277 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp nhận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 35/2012/QĐ - SGDIICM ngày 30/03/2012 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DRL. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 11/04/2012.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Lắp đặt hệ thống điện:
 - Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện;
 - Đầu tư xây dựng các dự án điện;
 - Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
 - Xây dựng các công trình thủy lợi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Tư vấn các công trình điện. (Công ty chỉ được phép kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đã cấp ở trên).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản liên gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc nguyên vật liệu bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc, thiết bị	6 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Chi phí phải trả phát sinh tại Công ty là tiền dịch vụ môi trường rừng, được xác định dựa vào sản lượng điện đã phát (kwh) và đơn giá chi trả dịch vụ môi trường rừng (36đ/kwh).

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá quy định tại Hợp đồng kinh tế số 05/2011/Đrây H'Linh 2/EVN CPC-CF TĐ DL 3 ngày 31/05/2011 với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Đơn giá cụ thể áp dụng theo Biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam ban hành hàng năm.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với sản phẩm điện thương phẩm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty được hưởng ưu đãi đối với dự án thủy điện như sau:
 - Được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Nhà máy điện Đrây H'Linh 2 đi vào hoạt động từ tháng 2 năm 2007, do vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2007 đến năm 2021.
 - Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi Công ty có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó Công ty được miễn thuế trong 4 năm (2007- 2010) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (2011-2019).

Những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ - CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.

Là doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 theo quy định Nghị quyết 116/2020.

- Thuế nhập khẩu và tiền thuê đất:
 - Được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định mà trong nước chưa sản xuất được (có danh mục máy móc, thiết bị kèm theo).
 - Theo Quyết định số 748/QĐ-CT ngày 13/07/2017 của Cục Thuế tỉnh Đắk Nông, Công ty được miễn tiền thuê đất từ 01/01/2016 đến 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Những ưu đãi về thuế nhập khẩu được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 63121000107 ngày 27/06/2012 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Nông.

- * Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	5.505.668	1.294.988
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.934.687	119.127.610
Cộng	59.440.355	120.422.598

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	67.800.000.000	65.000.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	1.200.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương - CN Đắk Lắk	4.500.000.000	5.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Đắk Lắk	62.100.000.000	58.500.000.000
Cộng	67.800.000.000	65.000.000.000

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 1 năm	23.100.000.000	15.000.000.000
Cộng	23.100.000.000	15.000.000.000

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	14.097.793.520	10.276.080.652
Cộng	14.097.793.520	10.276.080.652

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	502.156.989	-	617.878.357	-
Phải thu người lao động thuế TNCN	399.232.664	-	257.887.028	-
Công ty CP Đầu tư và XD Miền Trung	467.858.401	467.858.401	467.858.401	467.858.401
Cộng	1.369.248.054	467.858.401	1.343.623.786	467.858.401

10. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.087.618.780	-	947.150.462	-
Cộng	1.087.618.780	-	947.150.462	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất và hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2020.

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phụ kiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	60.894.796.934	86.753.966.049	1.526.598.546	1.764.347.418	1.467.246.471	152.406.955.448
Mua sắm trong năm	-	91.000.000	-	-	-	93.000.000
Trình bày lại	(10.035.187.749)	(229.150.759)	(2.544.176.271)	(772.491.292)	(1.467.246.471)	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	50.819.609.215	86.617.815.290	14.070.674.817	991.856.126	-	152.499.955.448
Khấu hao						
Số đầu năm	21.908.752.703	86.753.966.049	1.267.479.406	987.318.645	1.467.246.471	112.384.761.274
Khấu hao trong năm	1.259.276.640	15.660.345	701.903.160	(14.359.876)	-	2.091.200.021
Trình bày lại	(3.545.939.025)	(229.150.759)	5.556.175.118	(314.238.863)	(1.467.246.471)	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	19.622.090.318	86.540.475.635	1.525.957.684	787.437.658	-	114.475.961.295
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	38.986.044.231	-	259.119.140	777.030.773	-	40.022.194.174
Số cuối năm	31.197.518.897	77.339.655	6.544.717.133	204.418.468	-	38.023.994.153

- * Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2020.
- * Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 89.992.246.254 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	121.000.000	121.000.000
Mua trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	121.000.000	121.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	121.000.000	121.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	121.000.000	121.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 121.000.00 đồng.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	59.420.454	-
Chi phí sửa chữa tài sản	73.150.000	-
Chi phí bảo hiểm	19.714.544	-
Cộng	152.284.998	-

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí đại tu thiết bị chính và trực tuabin	568.368.577	1.420.921.441
Trục Roto III	771.771.571	1.929.428.927
Chi phí trả trước khác	718.544.774	391.404.999
Cộng	2.058.684.922	3.741.755.367

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH may thêu giày An Phước	55.936.000	55.355.000
Nguyễn Đình Thắng	158.000.000	-
Các đối tượng khác	406.182.205	215.316.967
Cộng	620.118.205	270.671.967

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	648.615.615	9.125.399.057	8.686.219.962	1.087.794.710
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.479.906.956	4.735.922.273	4.349.863.631	1.865.965.598
Thuế thu nhập cá nhân	88.958.992	2.139.863.044	2.167.936.239	60.885.797
Thuế tài nguyên	442.099.255	7.492.588.017	6.962.466.945	972.220.327
Thuế môn bài	-	3.000.900	3.000.000	-
Phi và lệ phí	-	860.187.000	860.187.000	-
Cộng	2.659.580.818	24.356.959.391	23.029.673.777	3.986.866.432

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền dịch vụ môi trường rừng	375.447.132	534.919.660
Cộng	375.447.132	534.919.660

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	19.000.000.000
Phải trả khác	51.662.100	72.965.850
Cộng	51.662.100	19.072.965.850

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	27.660.728.409	127.813.020.608
Tăng trong năm	-	-	-	55.679.460.823	55.679.460.823
Giảm trong năm	-	-	-	74.552.441.294	74.552.441.294
Số dư tại 31/12/2019	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	8.787.747.938	108.940.040.137
Số dư tại 01/01/2020	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	8.787.747.938	108.940.040.137
Tăng trong năm	-	-	-	59.003.678.868	59.003.678.868
Giảm trong năm	-	-	-	31.857.895.093	31.857.895.093
Số dư tại 31/12/2020	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	35.933.531.713	136.085.823.912

b. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	8.787.747.938	27.660.728.409
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	59.003.678.868	55.679.460.823
Phân phối lợi nhuận	31.857.895.093	74.552.441.294
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	8.787.747.938	27.656.262.861
+ Trả cổ tức cho cổ đông	8.740.000.000	27.531.000.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	47.747.938	125.262.861
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	23.070.147.155	46.896.178.433
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.310.147.155	3.177.178.433
+ Trả cổ tức cho các cổ đông	19.760.000.000	43.719.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	35.933.531.713	8.787.747.938

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 và tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 10 – NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 17/03/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ tức

- Đại hội đồng cổ đông ngày 17/03/2020 đã quyết định trả cổ tức năm 2019 của Công ty là 55,22% và được chia bằng tiền. Trong đó, cổ tức đã tạm ứng trong năm 2019 là 46,02% và phần cổ tức còn lại 9,2% đã được chi trả trong năm 2020.
- Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2019 bằng tiền là 9,20% và tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền là 20,80%, cụ thể như sau:
 - ✓ Nghị quyết số 16-NQ/PC3HP.Co-ĐHQT ngày 09/04/2020 đã quyết định chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2019 bằng tiền là 9,20%/cổ phiếu (tương ứng 8.740.000.000 đồng) và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền là 5,80%/cổ phiếu (tương ứng 5.510.000.000 đồng). Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là 27/04/2020 và thực hiện chi trả từ ngày 12/05/2020.
 - ✓ Nghị quyết số 19-NQ/PC3HP.Co-ĐHQT của Hội đồng quản trị ngày 26/08/2020 đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 2 của năm 2020 bằng tiền là 15%/cổ phiếu (tương ứng 14.250.000.000 đồng). Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là 21/09/2020 và thực hiện chi trả từ ngày 06/10/2020.

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán điện thương phẩm	96.758.423.891	89.960.985.336
Cộng	96.758.423.891	89.960.985.336

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn bán điện thương phẩm	30.068.992.210	28.320.710.226
Cộng	30.068.992.210	28.320.710.226

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.173.645.724	3.503.017.114
Cộng	3.173.645.724	3.503.017.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	263.596.486	310.481.191
Chi phí nhân viên quản lý	2.920.153.512	1.915.312.812
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	238.183.227	215.894.150
Các khoản khác	2.698.219.501	3.492.236.292
Cộng	6.120.152.726	5.933.924.445

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	63.739.601.141	59.209.367.779
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	600.547.393	879.720.000
- Điều chỉnh tăng	600.547.393	879.720.000
- Chi phí không hợp lệ	318.547.393	417.730.000
- Thu lao HĐQT không trực tiếp điều hành	282.000.000	461.990.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	64.340.148.534	60.089.087.779
- Thu nhập từ hoạt động được hưởng ưu đãi	61.166.502.810	56.586.070.665
- Thu nhập từ hoạt động không được hưởng ưu đãi	3.173.645.724	3.503.017.114
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.735.922.273	3.529.906.956
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	4.725.965.598	3.529.906.956
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	9.956.675	-

24. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59.003.678.868	55.679.460.823
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(3.310.147.155)	(3.224.926.371)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	3.310.147.155	3.224.926.371
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	55.693.531.713	52.454.534.452
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	5.862	5.522

Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu của năm 2019 được tính lại theo số phê duyệt quỹ khen thưởng, phúc lợi chính thức của Đại hội cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	290.729.986	649.390.291
Chi phí nhân công	13.933.169.693	11.335.546.332
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.091.200.021	3.122.368.232
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.195.388.129	4.701.275.513
Chi phí khác bằng tiền	16.678.657.107	14.446.054.303
Cộng	36.189.144.936	34.254.634.671

26. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất điện năng và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

27. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên liệu đầu vào. Tuy nhiên, chi phí nguyên liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng duy nhất của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Với đặc thù kinh doanh mua bán điện tại Việt Nam, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	620.118.205	-	620.118.205
Chi phí phải trả	375.447.132	-	375.447.132
Phải trả khác	51.662.100	-	51.662.100
Cộng	1.047.227.437	-	1.047.227.437

01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	270.671.967	-	270.671.967
Chi phí phải trả	534.919.660	-	534.919.660
Phải trả khác	19.072.965.850	-	19.072.965.850
Cộng	19.878.557.477	-	19.878.557.477

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính ngắn hạn có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.859.440.355	-	67.859.440.355
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23.100.000.000	-	23.100.000.000
Phải thu khách hàng	14.097.793.520	-	14.097.793.520
Phải thu khác	901.389.653	-	901.389.653
Cộng	105.958.623.528	-	105.958.623.528

01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.120.422.598	-	65.120.422.598
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Phải thu khách hàng	10.276.080.652	-	10.276.080.652
Phải thu khác	875.765.385	-	875.765.385
Cộng	91.272.268.635	-	91.272.268.635

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	Công ty đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán điện thương phẩm	96.758.423.891	89.960.985.336
Cố tức đã trả	14.450.000.000	15.895.000.000

c. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Khoản mục	31/12/2020	01/01/2020
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	Phải thu khách hàng	14.097.793.520	10.276.080.652
	Phải trả khác	-	5.780.000.000
Cộng		14.097.793.520	16.056.080.652

d. Thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2020	Năm 2019
Hội đồng quản trị	639.887.948	456.000.000
Lương, thưởng Ban Giám đốc	1.067.702.356	819.763.918

29. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Công ty đã thông báo chối danh sách cổ đông ngày 06/01/2021 để trả cổ tức đợt 1 năm 2020 với tỷ lệ 20%. Ngoài ra không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

30. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC.



Đắk Nông, ngày 24 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biên

Nguyễn Thị Bích Ngọc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN- ĐIỆN LỰC 3

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Sơn

